

**BỘ NÔNG NGHIỆP
VÀ PHÁT TRIỂN NÔNG THÔN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: **633** /BNN-TC

Hà Nội, ngày **10** tháng **3**, năm **2011**

V/v: Xin chuyển số dự toán, dự tạm
ứng NSNN năm 2010 sang năm 2011

Kính gửi: Bộ Tài chính

Thực hiện Thông tư số 108/2008/TT-BTC ngày 18/11/2008 của Bộ Tài chính về Hướng dẫn xử lý ngân sách cuối năm và lập, báo cáo quyết toán ngân sách hàng năm, Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn đã thực hiện tổng hợp số dự toán, số dự tạm ứng của các đơn vị trực thuộc. Đề nghị Bộ Tài chính thẩm định cho chuyển số dự sang năm 2011 sử dụng và quyết toán vào niên độ ngân sách năm 2011. Tổng kinh phí đề nghị xét chuyển: **227.522.351.455 đồng** (trong đó số dự toán: **175.913.492.126 đồng**, dự tạm ứng: **51.608.859.329 đồng**). Nội dung cụ thể như sau:

I. SỰ NGHIỆP KINH TẾ NÔNG NGHIỆP (Loại 010-013)

A. Số dự kinh phí đề nghị xét chuyển:

- Tổng số kinh phí đề nghị được chuyển là: **56.709.636.485 đồng**. Trong đó:
 - + Tổng số dự toán đề nghị được chuyển là: **34.000.878.245 đồng**
 - + Tổng số dự tạm ứng đề nghị được chuyển là: **22.708.758.240 đồng**

B. Thuyết minh chi tiết đối với từng đơn vị và nội dung đề nghị xét chuyển:

1. Trung tâm Khuyến nông Quốc gia: 3.769.343.836 đồng.

a. Số dự toán: 3.769.343.836 đồng, gồm:

Nội dung: Dự án tăng cường năng lực được phê duyệt kế hoạch theo Quyết định số 1970/QĐ-BNN-XD ngày 14/07/2009;

Trong năm 2009,2010 Trung tâm đã tiến hành các thủ tục đấu thầu mua sắm 03 gói thầu. Tuy nhiên gói thầu số 02: Mua sắm thiết bị âm thanh do hồ sơ dự thầu không đạt nên phải tiến hành đấu thầu lại. Do đó thời gian để thực hiện gói thầu phải kéo dài sang năm 2011.

2. Trung tâm QGNS và VSMTNT

a. Số dự toán: 121.604.200 đồng

Nội dung: Vốn đối ứng các dự án ODA

- Dự án do Unicef tài trợ: 40.000.000 đồng

Lý do: Khoản mục thuê mướn chưa thực hiện kịp trong năm dự toán

- Dự án do JICA tài trợ: 1.604.200 đồng

Lý do: Khoản mục thuê mướn chưa thực hiện kịp trong năm dự toán

- Dự án do ADB tài trợ: 80.000.000 đồng

Lý do: Khoản mục thuê mướn chưa thực hiện kịp trong năm dự toán

3. Ban Quản lý các dự án Nông nghiệp: 338.359.501 đồng, trong đó:

a. Số dự dự toán: 338.359.501 đồng

Nội dung:

- Chi hoạt động bộ máy: 33.090.504 đồng.

- Dự án Hỗ trợ kỹ thuật Cải cách CS hạ tầng (TA 4981): 105.268.997 đồng.

Toàn bộ số dự dự toán của chi hoạt động bộ máy và Dự án Hỗ trợ kỹ thuật Cải cách CS hạ tầng (TA 4981) đề nghị cho chuyển sang năm 2011 để bổ sung chi hoạt động của Ban QL dự án Nông nghiệp.

- Chi hội nghị tổng kết Chương trình phát triển ngành Nông nghiệp: 200.000.000 đồng.

Đây là kinh phí tổ chức hội nghị tổng kết Chương trình phát triển ngành Nông nghiệp đã được phê duyệt dự toán năm 2010 nhưng chưa thực hiện được trong năm 2010

4. Ban Quản lý các dự án Nông nghiệp (BQL Trung ương Dự án Khoa học công nghệ Nông nghiệp): 1.283.847.305 đồng

a. Số dự dự toán: 1.283.847.305 đồng

Kinh phí đối ứng của Dự án KHCN Nông nghiệp (vay ADB) cuối năm chưa kịp thanh quyết toán cho gói thầu của viện Môi trường Nông nghiệp. Đồng thời, do giá USD tăng cao, tổng kinh phí gói thầu thiết bị tăng cường năng lực truyền thông khuyến nông phải điều chỉnh giá, chuyển sang thực hiện đầu năm 2011.

5. BQL Dự án Cạnh tranh ngành chăn nuôi và an toàn thực phẩm

a. Số dự dự toán phần vốn đối ứng: 58.814.500 đồng

6. BQL Dự án TA 7251-VIE

a. Số dự dự toán phần vốn đối ứng: 446.105.185 đồng

7. BQL Dự án VAHIP

Số dự dự toán phần vốn đối ứng: 675.885.636 đồng

8. Cục Chế biến, Thương mại nông lâm thủy sản và Nghề muối:

a. Số dự dự toán: 3.867.246.000 đồng, bao gồm các nội dung:

*** Vốn đối ứng 356.995.000 đồng**

Dự án Jica “Nâng cao năng lực về phát triển ngành nghề nông thôn phục vụ phát triển kinh tế xã hội ở nông thôn Việt Nam”, dự án được hiện từ năm 2009-2011. Một số hoạt động phục vụ Ban quản lý dự, tổ chức hội nghị, hội thảo tập huấn và chưa thực hiện do kế hoạch thay đổi của nhà tài trợ.

*** Dự án điều tra, quy hoạch 676.609.000 đồng**

Thực nhiệm vụ Bộ giao tổ chức triển khai các dự án gồm:

+ Dự án “*Quy hoạch phát triển chế biến thủy sản toàn quốc đến năm 2020*” thực hiện 2009-2010. Đến nay đơn vị tư vấn đã và đang hoàn thiện báo cáo Quy hoạch tính toán lại các chỉ tiêu cho phù hợp với chiến lược theo Quyết định số 1690/QĐ-TTg chiến lược thủy sản Việt Nam đến năm 2020 của Thủ tướng Chính phủ. Đến 31/12/2010 số dư dự toán tại Kho bạc là **48.200.000đồng** để thực hiện nội dung hoàn thiện báo cáo tổng kết, lập hồ sơ trình duyệt và chi phí công bố Quy hoạch.

+ Dự án “*Quy hoạch công nghiệp chế biến gỗ Việt Nam*” thực hiện 2009-2010. Do thời gian triển khai dự án muộn (T9/2009), đơn vị tư vấn chưa hoàn thành kế hoạch xây dựng Quy hoạch theo tiến độ đặt ra. Đề nghị chuyển sang năm 2011 tiếp tục thực hiện và quyết toán là **359.985.000đồng**, để thực hiện nội dung hoàn thiện báo cáo, tổ chức Hội thảo lấy ý kiến góp ý dự thảo, công bố Quy hoạch và một số nội dung liên quan thực hiện xây dựng Quy hoạch.

+ Dự án “*Điều tra thực trạng chế biến lâm sản ngoài gỗ chủ yếu tại Việt Nam*”, kinh phí được cấp trong năm là 800.000.000đồng, dự án thực hiện 2010-2011. Đến 31/12/2010 số dư dự toán tại Kho bạc là **268.424.000đồng**, đề nghị chuyển sang năm 2011 để thực hiện nội dung tổng hợp xử lý số liệu và hoàn chỉnh báo cáo điều tra, công bố kết quả điều tra. Để đảm bảo chất lượng của dự án.

*** Chương trình Xúc tiến thương mại 2.833.642.000đồng**

Thực hiện Quyết Định số 3318/QĐ-BNN-CB ngày 9/12/2010 về việc điều chỉnh nhiệm vụ Xúc tiến thương mại và Xúc tiến đầu tư năm 2010. Trong đó có một số nhiệm vụ phải triển khai theo phương thức đấu thầu, chỉ định thầu để lựa chọn đơn vị thực hiện dịch vụ nên thời gian chuẩn bị các thủ tục bị kéo dài. Đến đầu quý IV/2010 Cục mới ký được hợp đồng với đơn vị thực hiện dịch vụ. Do triển khai muộn nên thời gian thực hiện hợp đồng phải kéo dài sang năm 2011, Cụ thể như sau:

+ Nội dung “*Mua và xử lý thông tin từ các nguồn nước ngoài tại một số thị trường trọng điểm*”, kinh phí được giao trong năm 300.000.000đồng. Đến ngày 31/12/2010 số dư dự toán tại Kho bạc là **110.538.000đồng**.

+ Nội dung “*Hỗ trợ tổ chức chương trình truyền hình thông tin, quảng bá sản phẩm nông nghiệp Việt Nam*”, kinh phí được giao trong năm 1.500.000.000đồng. Đến ngày 31/12/2010 số dư dự toán tại kho bạc là **451.540.000đồng**.

+ Nội dung “*Điều tra về tiêu thụ thủy sản tại thị trường trong nước*”, kinh phí được giao trong năm 480.000.000đồng. Đã hoàn thành thủ tục để ký kết hợp đồng và thực hiện điều tra trong năm 2011. Đến ngày 31/12/2010 số dư dự toán tại kho bạc là **480.000.000đồng**.

+ Nội dung “*Tiếp tục triển khai xây dựng chợ thương mại điện tử ngành nông nghiệp thủy sản Việt Nam*”, kinh phí được giao trong năm 1.780.000.000đồng. Số dư dự toán tại Kho bạc là **1.458.060.000đồng**, để thực hiện quảng bá trong và ngoài nước, nâng cấp phần mềm hệ thống và nâng cấp cơ sở dữ liệu. Đề nghị chuyển năm 2011 tiếp tục thực hiện.

+ Nội dung “*Hội thảo quốc tế mỗi làng một sản phẩm*”, kinh phí được giao trong năm 1.229.000.000đồng. Đến ngày 31/12/2010 số dư dự toán tại Kho bạc là **251.165.000đồng**, để thực hiện tham gia và quảng bá, giới thiệu sản phẩm ngành nghề nông thôn tham gia hội thảo OVOP lần thứ 8 năm 2011 tại Nhật Bản. Đề nghị chuyển năm 2011 tiếp tục thực hiện.

+ Nội dung “*Đề án tổ chức thực hiện thí điểm hoạt động kiểm soát liên ngành tại Lạng Sơn 2010*”. Thực hiện theo Quyết định số 1850/QĐ-BNN-TC ngày 19/11/2010 phê duyệt dự toán chi tiết kinh phí thực hiện đề án tổ chức thí điểm hoạt động kiểm soát liên ngành tại Lạng sơn 2010. Do triển khai đề án muộn. Đến ngày 31/12/2010 số dư dự toán tại Kho bạc là **82.339.000đồng**, để thực hiện các nội dung tổ chức hội thảo tại Lạng Sơn, Hà Nội và viết báo cáo tổng hợp đề án và các nội dung khác có liên quan đến xây dựng đề án. Đề nghị các nội dung này chuyển năm tiếp tục thực hiện năm 2011.

9. Cục Kinh tế Hợp tác và PTNT, trong đó:

a. Số dư dự toán: 440.00.000 đồng

Kinh phí Chương trình ổn định dân cư theo Quyết định 193/TTg: Chi phí các cuộc đi kiểm tra, giám sát các địa phương đã có trong kế hoạch triển khai nhưng do phải thực hiện các nhiệm vụ đột xuất Bộ giao nên chưa thực hiện được.

10. Viện Thú y: 295.912.000 đồng, trong đó :

a. Số dư dự toán: 295.912.000 đồng

Đây là kinh phí giám sát, phòng chống dịch, chưa triển khai được vì kinh phí cấp cuối tháng 12/2010, đề nghị được xét chuyển 2011 để tiếp tục thực hiện.

11. Văn phòng Bộ: 7.453.760.082 đồng, trong đó:

a. Số dư dự toán: 7.453.760.082 đồng

- Nội dung: Kinh phí thực hiện dự án:

+ *Dự án thiết lập hệ thống giám sát và đánh giá phục vụ công tác quản lý ngành NN và PTNT giai đoạn 2 (vốn đối ứng) là: 312.566.300 đồng.* Đây nguồn kinh phí dùng để trang bị phần mềm Server cho 2 Cục và 02 sở thí điểm của Bộ Nông nghiệp và chi phí vận hành trang Website năm 2010 chưa triển khai kịp.

+ *Hoạt động của Thi đua là: 111.130.000 đồng.* Đây là kinh phí dùng cho in cuốn sách kỷ yếu của Bộ Nông nghiệp đã được Bộ trưởng đồng ý nhưng do tổng hợp các thông tin để in quá muộn cuối tháng 12/2010.

+ Dự án Hỗ trợ chương trình phát triển nông nghiệp và nông thôn (ARD SPS) giai đoạn 2007-2012 của Vụ Khoa học CN và Môi trường là: 203.435.920 đồng (vốn đối ứng). Kinh phí này dùng để đi kiểm tra giám sát các đề tài dự án, năm 2010 các đề tài mới đấu thầu để tiến hành triển khai vì vậy xin chuyển sang 2011 để tiếp tục thực hiện

+ Tuyên truyền phổ biến pháp luật theo QĐ 554/QĐ/TTg là: 1.329.873.062 đồng. Đây là khoản kinh phí cấp để tổ chức lớp học, Hội nghị phổ biến, hoạt động phổ biến trên báo chí, kiểm tra giám sát hoạt động tiểu đề án 1 và xây dựng các mô hình thí điểm. Năm 2010 các hoạt động này đang triển khai chưa hết theo kế hoạch.

+ Điều tra cơ bản và thiết kế quy hoạch (Vụ Kế hoạch) là: 3.085.999.800 đồng. Đây là khoản kinh phí đã có hợp đồng với Viện quy hoạch thiết kế Nông nghiệp thực hiện trong 2 năm (2010-2011).

+ Hoạt động của Văn phòng công nghệ sinh học là: 2.410.755.000 đồng

- Nâng cấp và xây dựng cơ sở dữ liệu công nghệ sinh học nông nghiệp- Thuỷ sản là: **492.755.000 đồng**, tiến độ công việc này triển khai bị chậm vì phải bổ sung phần thuỷ sản, quý 4 năm 2010 đã có kế hoạch đấu thầu vì vậy xin chuyển sang năm 2011 để tiếp tục thực hiện.
- Tạo lập thị trường công nghiệp Công nghệ sinh học (Hỗ trợ lãi suất cho doanh nghiệp, tổ chức các hoạt động quảng bá, xây dựng cơ chế chính sách, đầu tư trang thiết bị vv...) là: **1.018.000.000 đồng**, vì vậy xin chuyển sang năm 2011 để tiếp tục thực hiện.
- Đoàn ra khảo sát hợp tác nghiên cứu trao đổi kinh nghiệm về KH-CN, cơ chế tài chính của Chương trình tại cộng hoà liên bang Nga là: **900.000.000 đồng**. Nội dung này đã có kế hoạch và đã được Bộ trưởng đồng ý, vì vậy xin chuyển số kinh phí này sang năm 2011 để thực hiện tiếp.

12. Cục Trồng trọt: 678.997.683 đồng, trong đó:

a. Số dư tạm ứng: 678.997.683 đồng

- Nội dung:

+ Dự án PT giống cây có củ năng suất, chất lượng cao giai đoạn 2006 - 2010: 320.922.491 đồng;

+ Dự án PT giống lạc, đậu tương năng suất, chất lượng cao giai đoạn 2006-2010: 358.075.092 đồng;

Các dự án này đã được Bộ Tài chính chấp thuận cho kéo dài đến hết năm 2011 để hoàn thành dự án theo tổng mức đầu tư và kinh phí sự nghiệp đã được phê duyệt và có văn bản trình Thủ tướng Chính phủ tại công văn số 1789/BTC- HCSN ngày 11/2/2011.

13. Cục Chăn nuôi: 32.432.798.557 đồng. Trong đó:

* Số dư dự toán: **12.550.000.000 đồng**

- Nội dung: Kinh phí thực hiện các Chương trình

+ Chương trình giống là: 12.550.000.000 đồng, Bao gồm: Dự án giống bò thịt: 3.500.000.000 đồng; Dự án giống cò: 150.000.000 đồng; Dự án giống lợn: 1.800.000.000 đồng; Dự án giống gà: 1.500.000.000 đồng; Dự án giống vịt, ngan: 2.600.000.000 đồng; Dự án tăng cường năng lực: 3.000.000.000 đồng.

Đây là những nội dung trong dự án giống chưa thực hiện và sẽ triển khai thực hiện trong năm 2011.

+ Chương trình giám sát dịch bệnh trong môi trường chăn nuôi lĩnh vực in sách 100 triệu đồng. nội dung in ấn xuất bản văn bản trong lĩnh vực môi trường chăn nuôi do chưa tập hợp được đầy đủ nội dung xin chuyển 2011 thực hiện tiếp.

*** Số dư tạm ứng: 19.882.798.557 đồng**

- Nội dung: Thực hiện chương trình dự án:

+ Dự án giống vật nuôi: 19.674.304.000 đồng

- Dự án “Cải tiến nâng cao chất lượng giống bò thịt Việt Nam giai đoạn 2006 – 2010”: **10.183.470.000 đồng** bao gồm:

Gói thầu số 06: Nitor bảo quản tinh tại kho dự án: 627.298.000 đồng; đã tạm ứng đến hết năm 2010: 85.470.000 đồng.

Gói thầu số 08: Mua tinh bò thịt (Tinh bò nhập ngoại): 9.599.680.000 đồng; đã tạm ứng: 6.719.000.000 đồng (Năm 2009).

Gói thầu số 09: Mua tinh bò thịt (Tinh bò trong nước): 9.700.000.000 đồng; đã tạm ứng đến hết năm 2010: 3.259.000.000 đồng.

Nội dung: Mua phần mềm bò thịt và nâng cấp hàng năm: 120.000.000 đồng; đã tạm ứng đến hết 2010: 120.000.000 đồng.

Các gói thầu trên đều đang dở dang thực hiện trong nhiều năm nên chưa thanh lý hợp đồng mà chỉ tạm ứng một phần kinh phí theo hợp đồng.

- Dự án “Cải tiến, nâng cao chất lượng giống bò sữa Việt Nam giai đoạn 2006 – 2010”: 119.500.000 đồng

Nội dung: Nâng cấp phần mềm VDM hàng năm: 120.000.000 đồng; đã tạm ứng đến hết 2010: 119.500.000 đồng. Gói thầu này chưa nghiệm thu thanh lý đề nghị cho QT 2011.

- Dự án “Phát triển giống gà chất lượng cao giai đoạn 2006 – 2010”: 1.500.000.000 đ

Gói thầu số 17: Giống ông bà trong nước: 3.019.276.600 đồng; đã tạm ứng: 1.500.000.000 đồng. Gói này thực hiện trong 2 năm 2010 và 2011 tạm ứng 50% giá trị theo HĐ.

- Dự án “Cải tiến, nâng cao chất lượng giống lợn giai đoạn 2006 – 2010”: **3.016.164.000 đồng**, bao gồm:

Gói thầu số 16: Nuôi tân đảo lợn giống nhập khẩu hợp phần Bình Thắng:
319.164.000 đồng; đã tạm ứng: 319.164.000 đồng.

Gói thầu số 17: Nuôi thích nghi lợn giống nhập khẩu:

Hợp phần Bình Thắng: 929.000.000 đồng; đã tạm ứng: 929.000.000 đồng.

Hợp phần Thụy Phương: 1.630.000.000 đồng; đã tạm ứng: 1.630.000.000 đồng.

Gói thầu số 18: Xây dựng mô hình trình diễn về sản xuất giống:

+ **Hợp phần Bình Thắng:** 93.000.000 đồng; đã tạm ứng: 93.000.000 đồng.

+ **Hợp phần Thụy Phương:** 45.000.000 đồng; đã tạm ứng: 45.000.000 đồng.

Các dự án trên đang triển khai thực hiện nhưng vướng mắc nên đang làm thủ tục xin điều chỉnh dự án và triển khai tiếp vào 2011.

- Dự án “Phát triển giống cỏ năng suất, chất lượng cao giai đoạn 2006 – 2010”: 702.847.000 đồng; đã tạm ứng: 491.900.000 đồng. Dự án này thực hiện dở dang kéo dài tiến độ đề nghị cho sử dụng và quyết toán vào năm 2011.

- Dự án Cải tiến, nâng cao chất lượng giống vịt, ngan giai đoạn 2006 – 2010”:
Gói thầu số 12: Nhập nội giống: 2.852.070.000 đồng; đã tạm ứng: 2.852.070.000 đồng. Gói thầu này đơn vị đã triển khai đề nghị chuyển tạm ứng xin quyết toán vào Q1/2011.

- Dự án tăng cường năng lực Quản lý giống vật nuôi 2006-2010: **Gói thầu số 9: Xây dựng phần mềm QLVN:** 1.511.200.000 đồng; đã tạm ứng: 1.511.200.000 đ. Gói thầu này thực hiện trong 3 năm từ năm 2008 sẽ nghiệm thu đưa vào QT quý 1 năm 2011.

+ Chương trình kiểm tra VSATTP nội dung đoàn công tác Thái Lan đã thực hiện vào T1/2011 nên đề nghị quyết toán vào 2011: 200.000.000 đồng.

+ Chương trình giám sát dịch bệnh trong chăn nuôi gia súc nhỏ chưa quyết toán kịp: 8.494.557 đồng.

14. Cục Thú y: 2.700.000.000 đồng, trong đó:

a. Số dự toán: 2.700.000.000 đồng

- Nội dung: đây là kinh phí thực hiện “Chương trình khống chế, loại trừ bệnh Đại ở động vật và người”. Cục Thú y đã phối hợp với Viện vệ sinh dịch tễ, Bộ Y tế xây dựng Chương trình theo góp ý của Bộ Tài chính, xây dựng các nội dung và dự toán kinh phí thực hiện chương trình như: Hội nghị triển khai Chương trình, xây dựng các tài liệu, thông điệp truyền thông, mở các lớp tập huấn tại ba miền, chỉ đạo các địa phương triển khai Chương trình. Tuy nhiên năm 2010 bệnh Đại tạm thời được khống chế, mặt khác chiến dịch tiêm phòng bệnh đại thường tập trung vào những tháng đầu năm trước mùa phát dịch khoảng tháng 4,5. Vì vậy, chương trình thực hiện năm 2011.

II. SỰ NGHIỆP KINH TẾ NÔNG NGHIỆP (Loại 010-014)

A. Số dư kinh phí đề nghị xét chuyển:

- Tổng số kinh phí đề nghị được chuyển là: **13.465.145.542 đồng**. Trong đó:
 - + Tổng số dư tạm ứng đề nghị được chuyển là: **13.465.145.542 đồng**

B. Thuyết minh chi tiết đối với từng đơn vị và nội dung đề nghị xét chuyển:

1. Trung tâm Khuyến nông Quốc gia: 13.465.145.542 đồng. Trong đó:

a. Dư tạm ứng: 13.465.145.542 đồng

Nội dung: Về việc phê duyệt danh mục các chương trình dự án khuyến nông năm 2010

Thực hiện quyết định số 20/QĐ/BNN-KHCN ngày 06/01/2010 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và PTNT về việc phê duyệt danh mục các chương trình dự án khuyến nông năm 2010, Trung tâm Khuyến nông đã ký hợp đồng triển khai với các đơn vị thực hiện. Căn cứ hợp đồng với các đơn vị, Trung tâm KNQG ứng kinh phí để các đơn vị triển khai và đã nghiệm thu, thanh quyết toán hợp đồng. Tuy nhiên, do sản xuất nông nghiệp có tính thời vụ, chu kỳ sản xuất của một số cây trồng, vật nuôi có thời gian trên 12 tháng vì vậy một số nội dung của các chương trình dự án chưa triển khai kịp (chưa cấp thức ăn, chưa tổ chức tập huấn, tham quan, tổng kết...). Đồng thời các chương trình dự án đó kết thúc vào cuối năm nhưng chưa nghiệm thu và quyết toán kịp trước thời hạn 31/01/2011. Mặt khác các dự án vẫn còn đang triển khai kéo dài sang năm 2011.

III. SỰ NGHIỆP KINH TẾ NÔNG NGHIỆP (Loại 010-015)

A. Số dư kinh phí đề nghị xét chuyển:

- Tổng số kinh phí đề nghị được chuyển là: **50.691.860.050 đồng**. Trong đó:
 - + Tổng số dư dự toán đề nghị được chuyển là: **50.475.729.550 đồng**
 - + Tổng số dư tạm ứng đề nghị được chuyển là: **216.130.500 đồng**

B. Thuyết minh chi tiết đối với từng đơn vị và nội dung đề nghị xét chuyển:

1. Cục Thú y: 50.691.860.050 đồng. Trong đó:

a. Số dư dự toán: 50.475.729.550 đồng

Đây là khoản kinh phí mua vắc xin để thực hiện dự án tiêm phòng vắc xin cúm gia cầm và Chương trình quốc gia phòng, chống dịch LMLM năm 2010 chưa thanh toán vì còn chờ quyết toán số lượng vắc xin đã thực hiện tại địa phương.

b. Số dư tạm ứng: 216.130.500 đồng

Đây là kinh phí Cục Thú y ứng cho đơn vị nhập khẩu và cung ứng vắc xin Cúm gia cầm và Lở mồm long móng năm 2009. Hiện nay, các Công ty chưa quyết

toán kinh phí vắc xin với Cục Thú y do đang tổng hợp quyết toán số lượng vắc xin thực hiện tại các địa phương.

IV. SỰ NGHIỆP KINH TẾ THỦY LỢI (Loại 010-016)

A. Số dư kinh phí đề nghị xét chuyển:

- Tổng số kinh phí đề nghị được chuyển là: **25.185.968.919 đồng**. Trong đó:
 - + Tổng số dự toán đề nghị được chuyển là: **25.017.968.919 đồng**
 - + Tổng số dự tạm ứng đề nghị được chuyển là: **168.000.000 đồng**

B. Thuyết minh chi tiết đối với từng đơn vị và nội dung đề nghị xét chuyển:

1. Tổng cục Thủy lợi: 24.370.518.741 đồng, trong đó:

a. Số dư dự toán: 24.370.518.741 đồng

Nội dung: kinh phí thực hiện các nội dung:

+ Kinh phí đổi mới nâng cao hiệu quả quản lý khai thác công trình thủy lợi: 36.633.000đ. Khoản kinh chi cho Hội nghị sơ kết 2 năm thực hiện chính sách miễn giảm thủy lợi phí theo Nghị định 115/2008/NĐ-CP ngày 14/11/2008 đã có trong dự toán năm 2010 song chưa thực hiện được xin chuyển kinh phí sang thực hiện vào tháng 3/2011.

+ Kinh phí thực hiện tìm kiếm cứu nạn, cứu hộ, ứng phó thiên tai, thảm họa: 19.470.250.000đ.

+ Kinh phí thực hiện Đề án Quản lý thiên tai dựa vào cộng đồng (Quyết định 1002/QĐ-TTg ngày 13/7/2009): 2.500.000.000đ. Trên cơ sở ý kiến của Bộ Tài chính tại văn bản số 15703/BTC-HCSN ngày 18/11/2010; Văn bản số 9070/VPCP-KTN ngày 14/12/2010 của Văn phòng Chính phủ yêu cầu một số nội dung tiếp tục cần phải hoàn chỉnh, cho nên năm 2011 Đề án tiếp tục phải tổng hợp, xây dựng dự toán của từng nội dung theo từng hợp phần hàng năm và 5 năm, phân định theo nguồn vốn ngân sách nhà nước.

+ Kinh phí Hợp tác ASEAN còn dư: 1.768.735.175đ

Do có một số hoạt động đã dự kiến thực hiện nhưng không thực hiện được vì các lý do khách quan trong hợp tác khu vực như: Kế hoạch tổ chức cuộc diễn tập chung luân phiên về ứng phó khẩn cấp thiên tai tại Việt Nam không thực hiện được do Indonesia đang cai và theo đó lịch diễn tập luân phiên tại Việt Nam được quyết định chuyển sang năm 2012; Kinh phí đảm bảo cho đoàn Việt Nam tham gia diễn tập tại Indonesia năm 2010 bị hoãn lại do ảnh hưởng của thiên tai tại nước chủ nhà; Việc mua sắm một số trang thiết bị để bổ sung, tăng cường cho cơ quan đầu mối thực hiện Hiệp định AADMER (Hiệp định ASEAN về quản lý thảm họa và ứng phó khẩn cấp với thiên tai) chưa được phê duyệt thực hiện;

Năm 2011, tiếp tục sử dụng cho các mục đích hợp tác quốc tế và hợp tác ASEAN bao gồm:

- Các đoàn ra phục vụ cho công tác hợp tác ASEAN và hợp tác quốc tế:
- dự kiến 12 đoàn kinh phí 1.060.000.000đ

- Dự kiến tiếp và làm việc các nước khu vực ASEAN và các cơ quan tổ chức quốc tế đến làm việc và chia sẻ kinh nghiệm tại Việt Nam: 100.000.000đ
 - Tổ chức Ngày Quốc tế giảm nhẹ thiên tai: 100.000.000đ
 - Mua máy vi tính, trang thiết bị phục vụ cho công tác của cơ quan đầu mối hiện Hiệp định AADMER và AHA: 500.000.000đ
- + Nguồn kinh phí vốn đối ứng: 594.900.566 đồng, bao gồm:
- Kinh phí vốn đối ứng nước sạch (hỗ trợ Chương trình mục tiêu quốc gia về nước sạch và vệ sinh môi trường nông thôn: 225.197.852đ
 - Kinh phí vốn đối ứng dự án “Nâng cao năng lực thể chế về quản lý rủi ro thiên tai tại Việt Nam đặc biệt các rủi ro liên quan đến biến đổi khí hậu (SCDM): 369.702.714đ. Do có sự thay đổi về đơn vị là Chủ dự án nên một số nội dung của dự án có kế hoạch sử dụng nhưng chưa tổ chức thực hiện kịp thời theo kế hoạch. Vì vậy xin chuyển sang sử dụng phục vụ cho hoạt động của dự án vào năm 2011.
- 2. Ban quản lý TW các dự án thủy lợi: 815.450.178 đồng**
- a. Số dự toán: 647.450.178 đồng**
- b. Số dự tạm ứng: 168.000.000 đồng**
- Số dự toán và tạm ứng phân kinh phí vốn đối ứng

V. SỰ NGHIỆP KINH TẾ LÂM NGHIỆP (Loại 010-017)

A. Số dự kinh phí đề nghị xét chuyên:

- Tổng số kinh phí đề nghị được chuyển là: **13.017.617.139 đồng**. Trong đó:
 - + Tổng số dự toán đề nghị được chuyển là: **9.704.617.139 đồng**
 - + Tổng số dự tạm ứng đề nghị được chuyển là: **3.313.000.000 đồng**

B. Thuyết minh chi tiết đối với từng đơn vị và nội dung đề nghị xét chuyên:

1. Tổng cục Lâm nghiệp: 13.017.617.139 đồng. Trong đó:

a. Số dự toán: 9.704.617.139 đồng

Nội dung: kinh phí dự phòng chữa cháy rừng giao cho Cục Kiểm lâm quản lý theo qui định tại Thông tư 92/2009/TT-BTC, đề nghị được chuyển sang năm 2011.

b. Số dự tạm ứng: 3.313.000.000 đồng

Nội dung:

+ Văn phòng Tổng cục: số dự tạm ứng 3.238.000.000 đồng của 6 dự án Điều tra cơ bản - Thiết kế qui hoạch, trong đó có 01 dự án chưa thành lập được Hội đồng nghiệm thu cơ sở, sẽ hoàn thành vào đầu năm 2011.

Ngoài ra còn 02 nhiệm vụ: Cung cấp bản tin lâm nghiệp và Tuyên truyền về công tác quản lý bảo vệ sử dụng và phát triển tài nguyên rừng 75.000.000 đồng là các hợp đồng ký thực hiện trong 2 năm 2010 – 2011. Đề nghị cho chuyển sang năm 2011 thanh quyết toán.

VI. SỰ NGHIỆP KINH TẾ THỦY SẢN (Loại 010-023)

A. Số dư kinh phí đề nghị xét chuyển:

- Tổng số kinh phí đề nghị được chuyển là: **12.444.291.078 đồng**. Trong đó:
 - + Tổng số dự toán đề nghị được chuyển là: **9.994.124.561 đồng**
 - + Tổng số dự tạm ứng đề nghị được chuyển là: **2.450.166.517 đồng**

B. Thuyết minh chi tiết đối với từng đơn vị và nội dung đề nghị xét chuyển:

1. Viện Nghiên cứu Hải sản: 592.599.567 đồng. Trong đó:

a. Số dự toán: 592.599.567 đồng

Nội dung: đây là kinh phí của Dự án Điều tra Việt Trung cho nội dung Hội nghị Nhóm chuyên gia nguồn lợi giữa 02 nước Việt Nam và Trung Quốc vào T12/2010. Tuy nhiên, phía Trung Quốc đề nghị chuyển sang Quý I/2011, do đó đề nghị được chuyển kinh phí này sang 2011 để thực hiện và quyết toán.

2. Viện nghiên cứu nuôi trồng Thủy sản III: 77.798.000 đồng. Trong đó:

a. Số dự tạm ứng: 77.798.000 đồng

Nội dung: đây là kinh phí của Dự án quy hoạch phát triển nuôi nhuyễn thể cho nội dung liên quan đến tổ chức lấy ý kiến các chuyên gia tại địa phương để làm thủ tục nghiệm thu, do đó đề nghị chuyển sang 2011 thanh quyết toán.

3. Trung Tâm Khuyến nông Quốc gia: 1.05.068.331 đồng. Trong đó:

a. Số dự tạm ứng: 490.768.476 đồng

b. Số dự toán: 814.299.855 đồng

Các dự án cá Nhập công nghệ sản xuất giống Hường chấm, dự án Nhập công nghệ sinh sản nhân tạo cá Tầm Trung hoa phải kéo dài thời gian thực hiện, nghiệm thu sang năm 2011 (đã được Bộ đồng ý cho phép kéo dài tiếp tục triển khai trong năm 2011), một số nội dung của dự án chưa thanh toán.

Trong năm 2010, có một số dự án giống thủy sản triển khai kết quả chưa đảm bảo đủ như QĐ đề ra nên chưa nghiệm thu được. Cụ thể là: Dự án “Nhập công nghệ hầu tứ bội thể để sản xuất giống hầu tam bội thể” do Viện NC NTTS III triển khai số tiền dự tạm ứng là 398.783.880 đồng; Một số dự án như dự án cá Tầm Trung hoa, dự án cá Hường chấm... cũng chưa được nghiệm thu.

4. Tổng cục Thủy sản: 10.320.068.089 đồng. Trong đó:

a. Số dự toán: 8.438.669.048 đồng

b. Số dự tạm ứng: 1.881.600.041 đồng

*** Nội dung:**

- **Kinh phí thực hiện các dự án giống Thủy sản:**

+ Dự án Chuyển giao công nghệ sản xuất giống cá Tra có chất lượng di truyền cao về tình trạng tăng trưởng cho các tỉnh ĐBSCL, thời gian thực hiện 2010-2012. Kinh phí được cấp năm 2010 là 967.457.000 đồng. Do Cá bố mẹ thành thực chậm hơn dự kiến nên các nội dung nuôi thương phẩm để chọn lọc và phát tán chưa triển khai kịp so với tiến độ xây dựng dự án do vậy kinh phí năm 2010 chưa thực

hiện là 763.518.741 đồng trong đó số dự toán là **653.543.000 đồng** và số dư tạm ứng là **109.975.741 đồng**.

+ Dự án Nhập công nghệ sinh sản nhân tạo Rùa cá sấu thời gian thực hiện từ 2009-2010 Tổng cục Thủy sản đã có Quyết định số 347/QĐ-TCTS-NTTS ngày 16/12/2010 về việc kéo dài thời gian thực hiện đến năm 2011). Kinh phí được cấp năm 2010 là 1.025.000.000 đồng. Do điều kiện thời tiết không thuận lợi Rùa chưa sinh sản được, khó khăn về chuyên gia hướng dẫn nên một số nội dung của dự án chưa được thực hiện tương ứng với số tiền là **525.000.000 đồng** (số dư dự toán) đề nghị được chuyển sang năm 2011 tiếp tục thực hiện.

+ Dự án Chuyển giao công nghệ sản xuất giống cá Sù đất thời gian thực hiện là 2010-2011. Kinh phí được cấp năm 2010 là 244.000.000 đồng. do chưa phải mùa vụ sinh sản của cá bố mẹ nên chưa triển khai được nội dung sản xuất giống do vậy kinh phí chưa sử dụng (số dư dự toán) là **94.000.000 đồng** đề nghị được chuyển sang năm 2011 thực hiện tiếp tục thực hiện.

+ Dự án Chuyển giao công nghệ sản xuất giống cá rô phi chất lượng cao cho các tỉnh phía Bắc thời gian thực hiện 2010-2011. Kinh phí được cấp năm 2010 là 367.000.000 đồng. Do ảnh hưởng của điều kiện thời tiết, cá bố mẹ chưa thành thực dẫn đến một số nội dung chưa thể thực hiện trong năm 2010 tương ứng với kinh phí chưa sử dụng (số dư tạm ứng) là **52.298.000 đồng**. đề nghị được chuyển sang năm 2011 thực hiện tiếp tục thực hiện.

+ Dự án Chuyển giao công nghệ sản xuất giống cá Rô phi đơn tính đực bằng Hoócmon 17 α – Mythyltestosterone. Thời gian thực hiện 2010-2011. Kinh phí được cấp năm 2010 là 500.000.000 đồng. Do ảnh hưởng của điều kiện thời tiết, cá bố mẹ chưa thành thực dẫn đến một số nội dung chưa thể thực hiện trong năm 2010 tương ứng với kinh phí chưa sử dụng (số dư dự toán là **24.000.000 đồng** và số dư tạm ứng là **8.800.000 đồng** đề nghị được chuyển sang năm 2011 thực hiện tiếp tục thực hiện.

+ Dự án Chuyển giao công nghệ sản xuất nhân tạo giống cá Chày mắt đỏ (*Squaliobarbus curriculus* Richardson, 1846). Thời gian thực hiện 2010-2011. Kinh phí được cấp năm 2010 là 105.000.000 đồng. Do điều kiện thời tiết không thuận lợi nên cá bố mẹ chưa sinh sản được. Vì vậy nội dung sản xuất giống chưa thực hiện được tương ứng với dư tạm ứng là **35.943.000 đồng**, đề nghị được chuyển kinh phí sang năm 2011 tiếp tục thực hiện.

+ Dự án Chuyển giao công nghệ sản xuất giống nghêu Bến tre (*Meretrix lyrata* Sowerby, 1851). Thời gian thực hiện 2010-2011. Kinh phí được cấp năm 2010 là 120.000.000 đồng. Do cuối năm không phải là mùa vụ sinh sản của nghêu nên chưa sinh sản được. Vì vậy nội dung sản xuất giống chưa thực hiện được tương ứng với dư tạm ứng là **40.144.000 đồng**, đề nghị được chuyển kinh phí sang năm 2011 tiếp tục thực hiện.

+ Dự án Chuyển giao công nghệ sản xuất cá giống cá chép lai V1. Thời gian thực hiện 2010-2011. Kinh phí được cấp năm 2010 là 147.000.000 đồng. Do điều kiện thời tiết không thuận lợi nên cá bố mẹ chưa sinh sản được vì vậy nội dung sản

xuất giống chưa thực hiện được tương ứng với dư tạm ứng là **19.442.000 đồng**, đề nghị được chuyển kinh phí sang năm 2011 tiếp tục thực hiện.

+ Dự án Chuyển giao công nghệ sản xuất tôm he chân trắng bố mẹ có nguồn gốc Hawaii cho các tỉnh Miền Trung. Thời gian thực hiện 2010-2011. Kinh phí được cấp năm 2010 là 300.000.000 đồng. Do khó khăn thủ tục nhập khẩu tôm postlarvae, nên thời gian thực hiện các nội dung tiếp theo chưa triển khai được so với kế hoạch nên một số nội dung chưa thực hiện được tương ứng với số dư tạm ứng là **63.018.000 đồng** đề nghị được chuyển kinh phí sang năm 2011 tiếp tục thực hiện.

+ Kinh phí tập huấn, thông tin tuyên truyền về sản xuất giống và quản lý chương trình Kinh phí được cấp năm 2010 là 323.326.000 đồng. Do các dự án chưa triển khai được nhiều nội dung vì ảnh hưởng của mùa vụ, nguồn giống bố mẹ nên chưa thể tiến hành đi kiểm tra tiến độ thực hiện và một số hoạt động liên quan khác tương ứng với số dư tạm ứng là **108.455.000 đồng**, đề nghị được chuyển kinh phí sang năm 2011 tiếp tục thực hiện.

+ Kinh phí thực hiện các dự án giống năm 2011: Năm 2010 là năm cuối của Chương trình giống thủy sản theo Quyết định 103/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ, tuy nhiên do một số loài thủy sản cần được triển khai nên Tổng cục Thủy sản đã phê duyệt 1 số dự án giống thủy sản và bố trí kinh phí triển khai thực hiện năm 2011 trong kế hoạch vốn được giao của năm 2010 tương ứng với kinh phí chưa cấp cho các dự án là số dư dự toán là **5.078.000.000 đồng** đề nghị được chuyển kinh phí sang năm 2011 tiếp tục thực hiện.

- Các dự án Quy hoạch

+ Dự án Quy hoạch biển và hải đảo đến năm 2020. Thời gian thực hiện 2010-2011. Kinh phí được cấp năm 2010 là 900.000.000 đồng. Do ảnh hưởng của điều kiện thời tiết không tiến hành điều tra lấy số liệu và đánh giá. Do đó chưa thực hiện được một số nội dung trong năm chưa thực hiện được tương ứng kinh phí chưa quyết toán là đồng trong đó số dự toán là **456.232.000 đồng** và số dư tạm ứng là **438.768.000 đồng**, đề nghị được chuyển kinh phí sang năm 2011 tiếp tục thực hiện.

- Dự án Quy hoạch chi tiết khu bảo tồn thủy sản cấp Quốc gia Sông Hậu thực hiện trong 2 năm 2009 – 2010 với kinh phí được cấp năm 2010 là: 1.263.578.000đ do thời gian tổ chức đấu thầu, thương thảo ký kết hợp đồng chậm so với kế hoạch (Quý III/2009), trong quá trình thực hiện đơn vị gặp một số khó khăn như xin ý kiến địa phương, các ban ngành, xây dựng dự thảo đề án do đó sản phẩm chưa được nghiệm thu trong năm 2010 vì vậy đơn vị xin **chuyển số dư tạm ứng sang năm 2011 là: 13.211.300đ** để dự án có kinh phí nghiệm thu trong năm 2011.

- Các Dự án Điều tra:

+ Dự án Điều tra hiện trạng sản xuất và cung ứng thức ăn, chế phẩm sinh học sử dụng trong NTTS và giải pháp quản lý. Thời gian thực hiện 2009-2010. Kinh phí được cấp năm 2010 là 573.000.000 đồng. Do ảnh hưởng của điều kiện sản xuất thức ăn, chế phẩm sinh học của nhà máy chưa đáp ứng đủ nhu cầu, Do đó chưa có số liệu để điều tra và đánh giá nên một số nội dung trong năm chưa thực hiện được tương

ứng với số dự toán là **492.000.000 đồng**, đề nghị được chuyển kinh phí sang năm 2011 tiếp tục thực hiện.

+ Dự án Điều tra, đánh giá hiệu quả sau đầu tư các Trung tâm giống TS. Thời gian thực hiện 2009-2010. Kinh phí được cấp năm 2010 là 354.000.000 đồng. Do điều kiện địa điểm lựa chọn một số Trung tâm giống chưa phù hợp, một số Trung tâm giống chưa xây dựng xong. Vì vậy chưa tiến hành điều tra lấy số liệu đánh giá hiệu quả nên một số nội dung trong năm chưa thực hiện được tương ứng với số dự toán là **104.000.000 đồng**, đề nghị được chuyển kinh phí sang năm 2011 tiếp tục thực hiện.

- Các dự án thuộc Đề án 47:

+ Quy hoạch điều chỉnh mở rộng hệ thống các khu bảo tồn biển VN thời gian thực hiện 2 năm 2009 – 2010 với kinh phí được cấp năm 2010 là: 200.000.000đ năm 2010 chưa triển khai được là do các khu bảo tồn biển chưa thực hiện quy hoạch xong, dẫn đến chưa thể triển khai quy hoạch điều chỉnh mở rộng được đề nghị được chuyển số dư dự toán là: **200.000.000 đồng** sang 2011 tiếp tục triển khai thực hiện.

+ Quy hoạch chi tiết khu bảo tồn biển Lý Sơn – Quảng Ngãi thời gian thực hiện 2010 -2011 với kinh phí được cấp năm 2010 là 400.000.000đ. Năm 2010 đơn vị chưa giải ngân được vì Quyết định phê duyệt kế hoạch đấu thầu thực hiện năm 2011, do đó dự án xin chuyển số dư dự toán là **400.000.000 đồng** sang năm 2011 để thực hiện.

+ Kinh phí quản lý các Dự án từ TW đến địa phương thời gian thực hiện 2009 -2015 kinh phí được cấp năm 2010 là: 440.233.000đ. Trong năm 2010 đơn vị chưa bố trí được thời gian đi học tập, khảo sát tại nước bạn được, đề nghị xin chuyển số dư dự toán là: **276.438.408 đồng** sang năm 2011 tiếp tục triển khai thực hiện.

+ Quy hoạch chi tiết khu bảo tồn biển Tiên Yên Hà cối thời gian thực hiện 2012-2013 kinh phí được cấp năm 2010 là: 1.100.000.000đ Cuối tháng 9 năm 2010 đơn vị đã thực hiện ký kết hợp đồng đề nghị chuyển số dư tạm ứng là: **1.100.000.000đồng** sang năm 2011 tiếp tục triển khai thực hiện.

5. Cục Quản lý chất lượng nông lâm sản và Thủy sản: 108.096.000 đồng.
Trong đó

a. Số dư dự toán: 108.096.000 đồng,

Nội dung: Kinh phí còn dư do các đơn vị chưa tổ chức hết các đoàn kiểm tra và công khai vi phạm trên các phương tiện thông tin đại chúng theo kế hoạch. Đề nghị chuyển sang năm 2011 thực hiện.

6. BQL Dự án Luật Thủy sản: 40.460.091 đồng

a. Số dư dự toán: 40.460.091 đồng

Đến cuối năm Dự án chưa kịp chuyển trả cho một số đơn vị cung cấp dịch vụ cho dự án, số kinh phí này xin chuyển sang năm 2011 để tiếp tục thực hiện.

VII. SỰ NGHIỆP KINH TẾ MÔI TRƯỜNG (Loại 280-281)

A. Số dư kinh phí đề nghị xét chuyển:

- Tổng số kinh phí đề nghị được chuyển là: **2.455.367.191 đồng**. Trong đó:
 - + Tổng số dư dự toán đề nghị được chuyển là: **1.276.746.191 đồng**
 - + Tổng số dư tạm ứng đề nghị được chuyển là: **1.178.621.000 đồng**

B. Thuyết minh chi tiết đối với từng đơn vị và nội dung đề nghị xét chuyển:

1. Tổng cục Lâm nghiệp: 38.021.000 đồng. Trong đó:

a. Số dư dự toán: 38.021.000 đồng

+ Văn phòng Tổng cục dự toán **38.021.000 đồng**: dự án Xây dựng cơ sở dữ liệu phục vụ công tác phòng chống sa mạc hoá và suy thoái đất, thời gian thực hiện từ 2010 – 2011. Đề nghị chuyển sang năm 2011 tiếp tục thực hiện để hoàn thành dự án.

2. Viện Nghiên cứu nuôi trồng Thủy sản II: 44.974.743 đồng. Trong đó:

a. Số dư tạm ứng 44.974.743 đồng

Nội dung: Đây là kinh phí của đề tài “Nghiên cứu nguyên nhân gây bệnh chết tôm nuôi ở Đồng bằng sông Cửu Long” cho nội dung thu mẫu và phân tích mẫu. Tuy nhiên, do cuối năm 2010, các mẫu chưa thu xong và chưa phân tích hết các chỉ tiêu, do đó đề nghị kéo dài sang 2011 để hoàn thành đề tài.

3. Tổng cục Thủy sản: 2.302.915.448 đồng. Trong đó:

a. Số dư dự toán 1.124.294.448 đồng

b. Số dư tạm ứng 1.178.621.000 đồng

*** Nội dung:**

- Các dự án thuộc Đề án 47:

+ Điều tra tổng thể đa dạng sinh học các hệ sinh thái biển VN phục vụ phát triển bền vững, thời gian thực hiện 2009 -2010 kinh phí được cấp năm 2010 là: 3.530.606. 654 đồng do thời gian tổ chức đấu thầu, thương thảo ký kết hợp đồng chậm so với kế hoạch (Quý III/2009) do đó dẫn đến quá trình thực hiện chậm, và một số cuộc hội thảo, nghiệm thu cấp cơ sở, nghiệm thu cấp bộ chưa triển khai được trong năm 2010 do đó xin chuyển số dư dự toán **940.694.448 đồng**, số dư tạm ứng là **873.000.000 đồng** sang năm 2011 thực hiện

+ Điều tra tổng thể đa dạng sinh học các hệ sinh thái Rạn, san hô và vùng ven đảo ở vùng biển VN thời gian thực hiện 2009 -2015 kinh phí được cấp năm 2010 là 2.200.000.000 đồng dự án kéo dài do đó đơn vị xin chuyển số dư tạm ứng là: **305.621.000 đồng** sang năm 2011.

- Thống kê và đánh giá tác động của các loài thủy sinh vật lạ xâm nhập vào VN kinh phí được cấp năm 2010 là 536.000.000 đồng, trong năm 2010 đơn vị chưa bố trí được thời gian và chưa liên hệ được địa điểm làm việc tại Nhật Bản do đó kinh phí tổ chức cho đoàn đi khảo sát chưa thực hiện được đơn vị xin chuyển số dư dự toán là: **183.600.000 đồng** sang năm 2011 thực hiện.

4. Văn phòng Bộ: 69.456.000 đồng. Trong đó:

a. Số dự toán: 69.456.000 đồng

Nội dung này là do thành lập 3 Tổng cục mới (Thủy sản, Thủy lợi và Lâm nghiệp) nên đã ảnh hưởng không nhỏ đến tiến độ triển khai các nhiệm vụ quản lý nhà nước. Cụ thể đối với báo cáo đánh giá tác động môi trường, báo cáo đánh giá môi trường chiến lược của các dự án gửi về Bộ thẩm định ít hơn so với năm 2009; công tác kiểm tra, giám sát các nhiệm vụ môi trường chưa được thường xuyên; việc tổ chức các hội thảo sẽ được chuyển sang năm 2011 sau khi 3 Tổng cục đã được phân cấp các nhiệm vụ rõ ràng vì vậy xin chuyển sang 2011 để tiếp tục thực hiện.

VIII. KINH PHÍ SỰ NGHIỆP KHOA HỌC (Loại 370-371)

A. Số dư kinh phí đề nghị xét chuyển:

- Tổng số kinh phí đề nghị được chuyển là: **20.447.832.117 đồng**. Trong đó:
 - + Tổng số dự toán đề nghị được chuyển là: **17.648.589.017 đồng**
 - + Tổng số dự tạm ứng đề nghị được chuyển là: **2.799.243.100 đồng**

B. Thuyết minh chi tiết đối với từng đơn vị và nội dung đề nghị xét chuyển:

1. Viện nghiên cứu nuôi trồng Thủy sản 3: 40.000.000 đồng.

a. Số dư tạm ứng: 40.000.000 đồng

Nội dung: Đây là kinh phí của đề tài Bảo tồn và lưu giữ gen và giống thủy sản nước mặn cho nội dung mua nguyên vật liệu cá cam, nhưng do nguồn cá cam khan hiếm nên chưa thực hiện xong, đề nghị chuyển sang 2011 thực hiện.

2. Tổng cục Lâm nghiệp: 237.760.000 đồng.

a. Số dự toán: 183.954.000 đồng

b. Số dư tạm ứng: 53.806.000 đồng

Trong đó:

*** Viện Điều tra qui hoạch rừng: 150.000.000 đồng.**

Nội dung: đề tài Nghiên cứu sử dụng ảnh vệ tinh ALOS và công nghệ GIS xây dựng bản đồ hiện trạng rừng phục vụ chương trình tổng điều tra, kiểm kê rừng. Do kinh phí cấp chậm (tháng 12) và đề tài thực hiện từ năm 2010 – 2012.

*** Vườn QG Cát Tiên: 87.760.000 đồng**

Nội dung: đây là kinh phí đề tài khoa học cho nội dung đi lại để báo cáo nghiệm thu kết thúc đề tài và một số tiền in ấn tài liệu đã hoàn chỉnh bản thảo. Đề nghị được chuyển sang 2011 sử dụng.

3. Viện nghiên cứu nuôi trồng Thủy sản 2: 8.000.000 đồng

a. Số dự toán: 8.000.000 đồng

Nội dung: Kinh phí giám định thiết bị sau khi đã thực hiện mua sắm theo nội dung của đề tài khoa học, nhưng chưa tiến hành. Đề nghị chuyển sang 2011 sử dụng.

4. Cục Chăn nuôi: 291.628.000 đồng. Trong đó:

a. Số dự toán: 291.628.000 đồng

- Kinh phí đề tài thống kê trâu bò là: 251.628.000 đồng. Khi triển khai thực hiện gặp nhiều khó khăn nên phải chỉnh sửa một số nội dung trong đề cương và dự toán nên xin chuyển 2011 thực hiện tiếp.

- Xây dựng quy chuẩn kỹ thuật thức ăn chăn nuôi là: 40.000.000 đồng xin chuyển sang năm 2011 do chưa thực hiện kịp.

- Đề nghị huỷ dự toán kinh phí không SD hết bao gồm cả kiến nghị của kiểm toán: 55.105.109 đồng.

5. Cục Trồng trọt: 360.000.000 đồng. Trong đó:

a. Số dự toán: 156.560.000 đồng

Nội dung:

- TCKT Điều kiện sản xuất phân bón (thực hiện 2 năm 2010-2011)

- TCKT Phân bón: mức giới hạn cho phép các chất kích thích và điều hoà sinh trưởng (thực hiện 2 năm 2010-2011)

- TCKT điều kiện trồng, chăm sóc và thu hái cà phê để phát triển bền vững và đảm bảo VSATTP; TCKT Quy phạm khảo nghiệm giống dâu; TCKT Phương pháp kiểm tra phẩm chất lá dâu; TCKT Phương pháp thu thập, bảo quản tập đoàn giống dâu; Quy phạm khảo nghiệm VCU giống mía: các tiêu chuẩn này đã có văn bản đồng ý cho phép kéo dài sang năm 2011 tại công văn số 7269/BNN-KHCN ngày 31/12/2010.

b. Số dự tạm ứng: 203.440.000 đồng

Nội dung:

- TCKT điều kiện sản xuất phân bón (thực hiện 2 năm 2010-2011)

- TCKT phân bón: mức giới hạn cho phép các chất kích thích và điều hoà sinh trưởng (thực hiện 2 năm 2010-2011)

- TCKT điều kiện trồng, chăm sóc và thu hái cà phê để phát triển bền vững và đảm bảo VSATTP; TCKT Quy phạm khảo nghiệm giống dâu; TCKT Phương pháp kiểm tra phẩm chất lá dâu; TCKT Phương pháp thu thập, bảo quản tập đoàn giống dâu; Quy phạm khảo nghiệm VCU giống mía: các tiêu chuẩn này đã có văn bản đồng ý cho phép kéo dài sang năm 2011 tại công văn số 7269/BNN-KHCN ngày 31/12/2010

6. Cục Thú y: 3.120.222.166 đồng, trong đó:

a. Số dự toán: 2.549.222.166 đồng

- Đề tài độc lập cấp Nhà nước “*Nghiên cứu và áp dụng các giải pháp KHCN phòng chống hội chứng rối loạn sinh sản và hô hấp ở lợn (PRRS) phục vụ chương trình quốc gia phòng chống bệnh PRRS*” là 793.273.416 đồng, đã được Bộ đồng ý cho gia hạn chuyển sang thực hiện năm 2011 tại Công văn số 506/BNN- KHCN ngày 18/1/2011.

- Đề tài cấp Bộ “*Nghiên cứu ứng dụng kỹ thuật sắc ký khối phổ để xác định một số chất độc hại tồn dư trong thịt trứng sữa*” là 232.490.000 đồng, đã được Bộ đồng ý cho gia hạn chuyển sang thực hiện năm 2011 tại Công văn số 7032/BNN- KHCN ngày 22/12/2010.

- Chương trình Công nghệ sinh học. Mã số 0950 - 0952 “*ứng dụng kỹ thuật sinh học phân tử để xây dựng danh mục giống virút gia cầm quốc gia*”: 1.523.458.750 đồng, đã được Bộ đồng ý cho gia hạn chuyển sang thực hiện năm 2011 tại Công văn số 6376/BNN- KHCN ngày 23/11/2010.

Ba nội dung kinh phí nêu trên là nhiệm vụ nghiên cứu khoa học thực hiện từ giai đoạn 2009 - 2012 đang trong quá trình thực hiện, nghiệm thu nên kinh phí còn dư tại Kho bạc.

b. Số dư tạm ứng: 571.000.000 đồng

Đề tài độc lập cấp Nhà nước “*Nghiên cứu và áp dụng các giải pháp KHCN phòng chống hội chứng rối loạn sinh sản và hô hấp ở lợn (PRRS) phục vụ chương trình quốc gia phòng chống bệnh PRRS*”: 571.000.000 đồng. Đây là kinh phí thực hiện Đề tài nghiên cứu khoa học được thực hiện từ giai đoạn 2009 - 2011 (đã được Bộ đồng ý chuyển năm sau) đang trong quá trình thực hiện nghiệm thu.

7. Viện Thú y :

a. Số dư dự toán: 213.115.685 đồng

- **Nội dung:** Đây là kinh phí nghiên cứu KHCN, bao gồm:

+ Đề tài cấp Bộ (02 đề tài): 184.425.685 đồng (Bộ đã có văn bản gia hạn sang 2011 cho phép tiếp tục thực hiện), cụ thể:

(1) Nghiên cứu tính kháng kháng sinh của các chủng vi khuẩn Salmonella và Escherichia coli gây bệnh phân lập từ lợn và gia cầm tại một số trang trại và lò mổ khu vực phía Bắc, dự toán: 33.694.000 đồng

(2) Chế tạo sinh phẩm chẩn đoán một số bệnh truyền lây giữa người và động vật, dự toán: 150.731.685 đồng

+ Đề tài cấp cơ sở (03 đề tài): 28.690.000 đồng (Thủ trưởng đơn vị chấp thuận cho Chủ nhiệm tiếp tục hoàn thành báo cáo tổng kết và nghiệm thu trong năm 2011), cụ thể:

(1) Xây dựng quy trình xác định thịt tươi bị nhiễm vi khuẩn Verotoxigenic E.coli, dự toán: 7.050.000 đồng

(2) Nghiên cứu sản xuất kháng huyết thanh đa giá Paramyxovirus, Adenovius, Parvovirus và Parainfluenza ứng dụng trong điều trị bệnh cho chó nghiệp vụ, dự toán: 11.460.000 đồng

(3) Phân lập và chọn chủng Pasteurella mulltocida gây bệnh tụ huyết trùng ở chim họ trĩ (Phasianidae) nuôi tại vườn thú Hà Nội, chế vắc xin thử nghiệm, dự toán: 10.180.000 đồng

Do kinh phí cấp muộn (cuối tháng 9/2010), sang Quý IV/2010 đơn vị mới làm thủ tục nhập KBNN, vì vậy một số nội dung chưa triển khai hết, đề nghị được xét chuyển: 213.115.685 đồng sang năm 2011 để tiếp tục thực hiện.

8. Viện Quy hoạch và Thiết kế nông nghiệp :

a. Số dự toán: 313.000.000 đồng

Đây là số dư của ĐT: "Sử dụng ảnh vệ tinh ENVISAT và SPOT NC biến động sử dụng đất NN và theo dõi lúa vùng ĐBSH", thời gian thực hiện 2008-2010. Do một số nguyên nhân khách quan nên chưa thu thập đủ tư liệu để hoàn thành các nội dung: "Hoàn thiện phương pháp luận về đánh giá biến động" và "Lập bản đồ hiện trạng"; Bộ NN-PTNT đã có văn bản số 3137/BNN-KHCN ngày 03/06/2010 cho phép kéo dài thời gian thực hiện đến tháng 6/2011, đề nghị chuyển 2011 để tiếp tục thực hiện.

9. Văn phòng Bộ:

a. Số dự toán: 8.548.095.915 đồng

Đề nghị chuyển số dự toán: 8.445.000.000 đồng, thực hiện các nhiệm vụ sau:

(i) Các nhiệm vụ KHCN (08 nhiệm vụ): 3.900.000.000 đồng, đã được Bộ phê duyệt thực hiện nhưng không kịp triển khai trong năm 2010 vì thời điểm cuối năm và không kịp ký hợp đồng với chủ nhiệm và cơ quan chủ trì, nay có ý kiến chấp thuận của lãnh đạo Bộ chuyển 2011 để thực hiện, cụ thể như sau :

TT	Tên đề tài/dự án	Thời gian	KP tổng (Tr.đ)	Kinh phí (Tr.đ)	Ghi chú
1.	Nghiên cứu xây dựng quy định về năng lực của tổ chức, cá nhân được tham gia quản lý, khai thác công trình thủy lợi.	2011-2013	1980	400	3375/QĐ-BNN-KHCN ngày 15/12/2010
2.	Nghiên cứu giải pháp ổn định cửa vào và lòng dẫn sông Đáy đảm bảo yêu cầu lấy nước mùa kiệt và thoát lũ.	2011-2013	2800	400	3375/QĐ-BNN-KHCN
3.	Nghiên cứu xây dựng đề biện an toàn cao theo hướng hài hoà với môi trường sinh thái.	2011-2013	3050	300	3375/QĐ-BNN-KHCN ngày 15/12/2010
4.	Nghiên cứu cơ sở khoa học và đề xuất mô hình xã hội hoá quản lý và phát triển hệ thống thủy lợi nội đồng trong điều kiện thực thi miễn giảm thủy lợi phí.	2011-2013	2450	400	3375/QĐ-BNN-KHCN ngày 15/12/2010
5.	Nghiên cứu giải pháp chống ngập úng cho thành phố Hải Phòng trong điều kiện biến	2011-2013	2450	400	3375/QĐ-BNN-KHCN ngày

	đôi khí hậu, nước biển dâng.				15/12/2010
6.	Nghiên cứu ứng dụng công nghệ phục hồi san hô cứng ở một số khu bảo tồn biển trọng điểm	2011-2013	2000	800	2899/QĐ-BNN-KHCN ngày 29/10/2010
7.	Nghiên cứu sản xuất giống rô phi đơn tính quy mô hàng hóa trong điều kiện nhiệt độ thấp phía Bắc.	2011-2013	2100	800	2899/QĐ-BNN-KHCN ngày 29/10/2010
8	Hoàn thiện công nghệ ươm giống và trồng cây bản chua ngập mặn chắn sóng, bảo vệ đê biển góp phần cải thiện môi trường sinh thái ven biển ở các tỉnh đồng bằng Bắc Bộ và Bắc miền Trung.	2011-2013	1800	400	3375/QĐ-BNN-KHCN ngày 15/12/2010
	Tổng kinh phí			3.900	

(ii) Nhiệm vụ CNSH: 520.000.000 đồng cho đề tài "Nghiên cứu sản xuất và sử dụng chế phẩm từ nấm lecanicillium spp. để diệt rệp muội gây hại trên cây trồng" (kế hoạch 2010 nhưng chưa được hiệp y phân bổ, trước đây đã có văn bản gửi Bộ Tài chính, Bộ KHCN xin ý kiến bổ sung kinh phí cho năm 2011)

(iii) Hoạt động HTQT với CuBa và Quản lý nhà nước về KHCN: 4.025.000.000 đồng, cụ thể:

TT	Tên đề tài/dự án	Thời gian	KP 2011 (Tr.đ)	Ghi chú
<u>I</u>	<u>Hợp tác quốc tế</u>		<u>1.675</u>	
	Hợp tác xây dựng quy hoạch phát triển thủy sản Cu Ba giai đoạn 2010-2015	2011	1.350	
	In sách tiêu chuẩn kỹ thuật áp dụng cho chương trình nâng cấp đê biển	2011	75	
	In sách nửa thế kỷ lúa gạo Việt nam	2011	250	
<u>II</u>	<u>Tổ chức Hội nghị hội thảo tổng kết các lĩnh vực khoa học công nghệ giai đoạn 2006-2010 và in ấn tài liệu tổng kết của 7 lĩnh vực chuyên ngành về thông tin, tuyên truyền, phổ biến</u>	<u>2011</u>	<u>800</u>	
	Hội nghị hội thảo tổng kết các lĩnh vực khoa học công nghệ	2011	500	
	07 Hội thảo chuyên đề	2011	300	
<u>III</u>	<u>Hoạt động QLNN về KHCN của Bộ và của các Tổng Cục, bổ sung công tác phí cho các hoạt động QLNN</u>	<u>2011</u>	<u>1.550</u>	
	Tổng kinh phí		4.025	

10. Viện Khoa học nông nghiệp Việt Nam (VAAS): 3.048.757.377 đồng (không bao gồm vốn đối ứng), trong đó:

a. Số dự toán: 2.742.917.377 đồng

b. Số dự tạm ứng: 305.840.000 đồng

Một số nhiệm vụ kết thúc năm 2010 nhưng do một số nguyên nhân khách quan (nêu cụ thể ở phần dưới) nên một số nhiệm vụ chưa thực hiện xong so với tiến độ, đã được cơ quan quản lý (Bộ KHCN, Bộ NN-PTNT) cho phép dẫn tiến độ, gia hạn thực hiện sang 2011; một số nhiệm vụ có kinh phí tiết kiệm, đề nghị được xét chuyển 2011 để xử lý theo hướng dẫn tại Thông tư 93.

Tổng số kinh phí đề nghị xét chuyển là: 3.048.757.377 đồng (không bao gồm vốn đối ứng), chi tiết theo từng nhiệm vụ và đơn vị trực thuộc như sau:

Số TT	Đơn vị/Nhiệm vụ	Đề nghị xét chuyển			Giải trình chi tiết
		Tổng số	Dự toán	Số dư TƯ	
A	B	1=2+3	2	3	4
I	Viện Di truyền nông nghiệp	999.162.377	999.162.377	0	0
1	- NC ứng dụng KT chiếu xạ nhằm tạo ra các dòng cà chua	80.188.353	80.188.353		Một số nội dung chưa thực hiện được xin chuyển sang năm 2011 do đó các khoản chi chung tương ứng cũng xin chuyển sang 2011. Bộ có văn bản cho kéo dài sang 2011
2	- Tạo dòng ngô biến đổi gen kháng sâu và thuốc diệt cỏ	15.406.000	15.406.000		Số tiết kiệm qua đấu thầu. Đề nghị chuyển 2011 để xử lý
3	- NC chọn tạo giống bèo tấm và nấm men	233.428.488	233.428.488		Do tiến độ thực hiện đã được bộ KH-CN đồng ý cho kéo dài 6 tháng sang năm 2011
4	- Tạo giống lúa thuần kháng rầy nâu bằng CNCTPT	7.607.800	7.607.800		Số tiết kiệm qua đấu thầu. Đề nghị chuyển 2011 để xử lý
5	- Chọn giống bông vải kháng bệnh xanh lùn bằng CTPT	8.274.600	8.274.600		Do thực hiện đấu thầu nên giá trúng thầu thấp hơn so với dự toán. Đoàn ra đi công tác ít ngày hơn so với dự toán nên không chi hết
6	- NC chọn tạo giống chè năng suất cao	8.682.000	8.682.000		Số tiết kiệm qua đấu thầu. Đề nghị chuyển 2011 để xử lý
7	- NC tạo giống bưởi và cam không hạt bằng CNSH	609.000	609.000		Số tiết kiệm qua đấu thầu. Đề nghị chuyển 2011 để xử lý
8	- Phân lập và thiết kế các vector mang điều khiển tính chịu hạn	109.485.236	109.485.236		Một số nội dung chưa thực hiện được xin chuyển sang năm 2011. Bộ có văn bản cho kéo dài sang 2011
9	- Chọn giống lúa thuần kháng bạc lá bằng CTPT	4.706.800	4.706.800		Số tiết kiệm qua đấu thầu. Đề nghị chuyển 2011 để xử lý
10	- Phòng thí nghiệm trọng điểm (Hỗ trợ chi thường xuyên)	530.774.100	530.774.100		Nội dung xác định xử lý hóa chất bằng colchicine và xác định mức bội thể của các dòng lúa tạo được phải chờ thời gian vào thời vụ thu hoạch lúa nên mới xác định được. Các nội dung còn lại đều phụ thuộc vào thời vụ
II	Viện Cây LT&CTP	1.500.000.000	1.500.000.000	-	0
11	- ĐT Công nghệ sinh học	1.500.000.000	1.500.000.000		Do không triển khai kịp đã được Bộ NN cho phép kéo dài sang năm 2011

III	Viện Nghiên cứu Rau Quả	183.880.000	183.880.000	0	0
12	- ĐT Khai thác và PT nguồn gen cam bù	60.880.000	60.880.000		Đề tài thực hiện tới năm 2014. Đã có ý kiến của Bộ về gia hạn thực hiện 2011
13	- ĐT NC ứng dụng để chế biến nước trái cây	45.000.000	45.000.000		Do không triển khai kịp đã được Bộ NN cho phép kéo dài sang năm 2011
14	- DA Hoàn thiện CNSX phân bón hữu cơ vi sinh cho rau màu	78.000.000	78.000.000		Do không triển khai kịp đã được Bộ NN cho phép kéo dài sang năm 2011
IV	Viện KHKT NLN MNPB	349.875.000	59.875.000	290.000.000	0
15	- ĐT NC TC KT bán địa và XD mô hình trồng lĩnh vực trồng trọt	59.875.000	59.875.000		Nội dung mua bán đồ chưa thực hiện được. Bộ gia hạn sang 2011 thực hiện
16	- Sửa chữa lớn, XD nhỏ	290.000.000	0	290.000.000	Đã tạm ứng đợt 1 cho nhà thầu còn tiếp tục thực hiện năm 2011
E	Viện KHKT NN MN	15.840.000	0	15.840.000	0
17	- ĐT NC chọn tạo giống và biện pháp KT canh tác sắn	3.840.000		3.840.000	Đề tài kết thúc năm 2010 nhưng Bộ chưa tổ chức nghiệm thu được nên cho phép kéo dài sang 2011 thực hiện
18	- ĐT Hoàn thiện quy trình sx pt giống ngô lai đơn VN112	12.000.000		12.000.000	
	Tổng số	3.048.757.377	2.742.917.377	305.840.000	

Những lý do chủ yếu số kinh phí trên chưa giải ngân được là:

- (i) Điều kiện thời tiết không thuận lợi;
- (ii) Yếu tố mùa vụ của các thí nghiệm triển khai trên đồng ruộng
- (iii) Một số nhiệm vụ giao kinh phí muộn
- (iv) Tiết kiệm được qua đấu thầu
- (v) Đối tác nước ngoài chưa có điều kiện triển khai
- (vi) Được gia hạn, dẫn tiến độ và cho phép kéo dài thực hiện sang 2011
- (vii) Một số nguyên nhân khách quan khác

11. Viện Khoa học Thủy lợi Việt Nam: 289.343.674 đồng, trong đó:

a. Số dự toán: 206.007.674 đồng

1. Đề tài: “Nghiên cứu đề xuất các giải pháp chống ngập cho Thành phố Hồ Chí Minh” - Thời gian thực hiện: 2007 – 2010, kinh phí đề nghị chuyển sang năm 2011 số dự toán =17.505.852 đồng vì chưa tổ chức nghiệm thu cấp cơ sở và cấp Nhà nước.

2. Đề tài: “Nghiên cứu các giải pháp thủy lợi nhằm khai thác bền vững vùng Bán Đảo Cà Mau” - Thời gian thực hiện: 2007 – 2010 kinh phí đề nghị chuyển sang năm 2011 số dự toán =35.626.200 đồng vì một số nội dung sẽ thực hiện trong năm 2011 (đã có văn bản cho phép kéo dài đến 6/2011).

3. Đề tài: "Nghiên cứu xây dựng hệ thống thông tin liên quan tới nước để phát triển bền vững đồng bằng sông Cửu Long" - Thời gian thực hiện: 2007 - 2010 kinh phí đề nghị chuyển sang năm 2011 số dự toán=62.986.100 đồng vì chưa tổ chức kiểm tra tiến độ, nghiệm thu đề tài.

4. Đề tài: "Nghiên cứu đề xuất giải pháp KHCN thủy lợi phục vụ phát triển bền vững vùng nuôi trồng thủy sản nước ngọt ở đồng bằng sông Cửu Long" - Thời gian thực hiện: 2008 - 2010 kinh phí đề nghị chuyển sang năm 2011 số dự toán=52.739.522 đồng vì chưa tổ chức tập huấn kỹ thuật chuyển giao công nghệ, viết báo cáo tổng kết và nghiệm thu đề tài.

5. Đề tài: "Nghiên cứu ứng dụng các giải pháp khoa học công nghệ phòng chống hạn hán phục vụ phát triển nông nghiệp bền vững các tỉnh Miền Trung"- Thời gian thực hiện: 2008 - 2010 (đã có công văn đồng ý được gia hạn đến T6/2011). Kinh phí đề nghị chuyển sang năm 2011 số dự toán = 28.650.000 đồng chưa tổ chức nghiệm thu và chưa hoàn thiện báo cáo tổng kết.

6. Đề tài: "Nghiên cứu thiết kế, chế tạo lắp đặt và vận hành thiết bị tạo nước ngọt từ nước biển bằng năng lượng mặt trời dùng cho sinh hoạt của quân và dân trên đảo". Thời gian thực hiện: 2010 - 2010. Kinh phí đề nghị chuyển sang năm 2011, số dự toán = 8.500.000 đồng vì chưa mua được thiết bị hỗ trợ công tác khảo sát.

b. Số dư tạm ứng: 83.336.000 đồng

1. Đề tài: "Nghiên cứu phương pháp tính toán hợp lý thủy năng các bậc thang thủy điện vừa và nhỏ trên dòng sông đơn". Thời gian thực hiện: 2010 - 2011 kinh phí đề nghị chuyển sang năm 2011 số dư tạm ứng=24.000.000 đồng vì năm 2010 do bị lũ lụt Miền Trung nên việc đi khảo sát Sông Đắc Mi không thực hiện được, để đảm bảo cho mục đích nghiên cứu của đề tài đề nghị được điều chỉnh kế hoạch khảo sát sang đầu năm 2011

2. Đề tài: "Nghiên cứu thiết kế, chế tạo, lắp đặt và vận hành thiết bị tạo nước ngọt từ nước biển bằng năng lượng mặt trời dùng cho sinh hoạt của quân và dân trên đảo". Thời gian thực hiện: 2010 - 2011 kinh phí đề nghị chuyển sang năm 2011 số dư tạm ứng=38.336.000 đồng vì thời tiết biến động có sóng lớn nên nhóm tác giả chưa tiến hành khảo sát được tại đảo Lý Sơn, Quảng Ngãi.

3. Đề tài: "Hợp tác nghiên cứu xây dựng bộ công cụ hỗ trợ ra quyết định trong quản lý tổng hợp lưu vực sông - áp dụng cho sông Thạch Hãn" - Thời gian thực hiện: 2008 - 2010 (đã có công văn đồng ý được gia hạn đến T3/2011). Kinh phí đề nghị chuyển sang năm 2011: số dư tạm ứng = 21.000.000 đồng chưa tổ chức được hội thảo và ban chủ nhiệm đi kiểm tra thực địa.

12. Dự án KHCN Nông nghiệp

a. Số dự toán: 2.327.184.115 đồng

b. Số dư tạm ứng: 1.373.821.100 đồng

Toàn bộ số dự toán và số dự tạm ứng của sự nghiệp nghiên cứu (Loại 370-371) là kinh phí đối ứng của Dự án KHCN Nông nghiệp (vay ADB), bao gồm số dự kinh phí thực hiện các đề tài đang thực hiện, số tiền còn lại không đủ cho việc thực hiện gói thầu số 2 (Viện lúa Đồng bằng sông Cửu Long), số kinh phí không kịp thanh quyết toán cho nhà thầu do hàng nhập khẩu về chậm (Viện Khoa học KTNM, Viện Cây lương thực thực phẩm) và số kinh phí của 02 gói thầu chưa thực hiện được do giá đôla Mỹ tăng cao, các nhà thầu khó khăn trong quá trình thực hiện hợp đồng (Viện chính sách chiến lược).

*** Chi tiết các đơn vị xin chuyển:**

- **BQL các dự án Nông nghiệp (BQL Trung ương Dự án Khoa học Công nghệ NN):** kinh phí vốn đối ứng

Số dự toán: 5.546.817 đồng, số dự tạm ứng: 34.837.000 đồng

- **Viện KH Nông Lâm Nghiệp Tây Nguyên:** kinh phí vốn đối ứng

Số dự toán: 13.018.898 đồng, số dự tạm ứng: 250.448.900 đồng

- **Viện Cây lương thực, thực phẩm:** kinh phí vốn đối ứng

Số dự toán: 163.481.338 đồng, số dự tạm ứng: 280.250.000 đồng

- **Viện KHKT Nông lâm nghiệp miền núi phía Bắc:** kinh phí vốn đối ứng

Số dự toán: 2.879.290 đồng, số dự tạm ứng: 336.000.000 đồng

- **Viện Lúa đồng bằng sông Cửu Long:** kinh phí vốn đối ứng

Số dự toán: 383.986.922 đồng

- **Viện Chính sách và chiến lược phát triển nông thôn:** kinh phí vốn đối ứng

Số dự toán: 835.711.307 đồng, Số dự tạm ứng: 472.285.200 đồng

- **Viện Khoa học kỹ thuật Nông nghiệp miền Nam:** kinh phí vốn đối ứng

Số dự toán: 922.559.543 đồng

13. Cục chế biến nông lâm sản và nghề muối

a. Số dự toán: 212.000.000 đồng

Thực hiện nhiệm vụ Khoa học công nghệ và môi trường năm 2010 của Bộ nghiệp và Phát triển nông thôn, xây dựng các tiêu chuẩn Việt Nam và xây dựng Quy chuẩn Việt nam cụ thể như sau:

+ Xây dựng 2 Quy chuẩn kỹ thuật “*Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chế biến bảo quản Lâm sản*” và “*Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về mức giới hạn hàm lượng cho phép của một số hóa chất đối với sản phẩm gỗ, tre, nứa, song mây*”. Tổng kinh phí được cấp năm 2010 là 40.000.000 đồng, đến 31/12/2010 số dự toán tại Kho bạc là 20.000.000 đồng. Để đảm bảo cơ sở khoa học cho việc xây dựng Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia. Đề nghị chuyển sang năm 2011 để tiếp tục thực hiện.

+ Xây dựng 3 Tiêu chuẩn kỹ thuật Việt nam “*Thiết bị gia công gỗ - Yêu cầu kỹ thuật chung*”; “*Yêu cầu chung đối với độ thử thử chính xác*” và “*Yêu cầu chung về an toàn đối với kết cấu*”. Tổng kinh phí được cấp năm 2010 là 120.000.000 đồng, đến 31/12/2010 số dự toán tại Kho bạc là 120.000.000 đồng. Để đảm bảo cơ sở khoa học cho việc xây dựng Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia nên xin chuyển số kinh phí này sang năm 2011 để triển khai thực hiện.

+ Xây dựng 8 Tiêu chuẩn “Máy Nông nghiệp - Máy rắc phân -Yêu cầu phương pháp thử”; “Máy cắt có động cơ do người đi bộ điều khiển”; “Thiết bị tưới trong nông nghiệp - Tổn thất áp suất qua van tưới”; “Bom phun hóa chất dẫn động bằng nước”; “Máy Nông nghiệp – Bộ phận cắt giữa hai hàng –Yêu cầu an toàn và phương pháp thử”; Thiết bị gieo - Phương pháp thử - Phần 1” và “Liên hợp máy thu hoạch cây làm thức ăn cho gia súc - Phương pháp thử”. Tổng kinh phí được giao năm 2010 là 240.000.000đồng, đến 31/12/2010 số dự dự toán tại Kho bạc là 72.000.000đồng. Để đảm bảo cơ sở khoa học cho việc xây dựng Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia, xin chuyển sang năm 2011 để triển khai thực hiện.

b. Số dư tạm ứng: 168,000,000 đồng

Số dư kinh phí thực hiện nhiệm vụ khoa học công nghệ và môi trường năm 2010 xây dựng 8 Tiêu chuẩn: Máy nông nghiệp-máy rắc phân-yêu cầu phương pháp thử; máy cắt có động cơ do người đi bộ điều khiển; thiết bị tưới trong nông nghiệp-tổn thất áp suất qua van tưới; bom phun hóa chất dẫn động bằng nước; máy nông nghiệp -bộ phận cắt giữa hai hàng-yêu cầu an toàn và phương pháp thử; thiết bị gieo- phương pháp thử; liên hợp máy thu hoạch cây làm thức ăn gia súc-phương pháp thử.

Việc xây dựng tiêu chuẩn này đang trong quá trình hoàn thiện hồ sơ quyết toán do đang xin ý kiến đóng góp của các Ban, ngành.

IX. KINH PHÍ QUẢN LÝ HÀNH CHÍNH (Loại 460-463)

A. Số dư kinh phí đề nghị xét chuyển:

- Tổng số kinh phí đề nghị được chuyển là: **8.690.729.581 đồng**. Trong đó:
 - + Tổng số dự dự toán đề nghị được chuyển là: **7.516.339.081 đồng**
 - + Tổng số dư tạm ứng đề nghị được chuyển là: **1.174.390.500 đồng**

B. Thuyết minh chi tiết đối với từng đơn vị và nội dung đề nghị xét chuyển:

1. Cục Chăn nuôi: 707.357.160 đồng

Nội dung: sửa chữa nhà làm việc khu B Hoàng Quốc Việt, trong đó:

a. Số dự dự toán: 42.113.160 đồng

b. Số dư tạm ứng: 665.244.000 đồng

2. Cục Thú y: 200.000.000 đồng

a. Số dự dự toán: 200.000.000 đồng

Đây là khoản kinh phí thực hiện xây dựng Luật Thú y đang trong quá trình góp ý, sửa đổi dự thảo nên kinh phí còn dư tại Kho bạc. Sở dĩ Cục chưa thực hiện kinh phí trên là do năm 2010 dự án STOP - STAR Mỹ đã viện trợ kinh phí cho Cục Thú y để điều tra khảo sát xây dựng Luật Thú y. Năm 2011 Cục Thú y không được Bộ cấp kinh phí xây dựng Luật và cũng không được dự án hỗ trợ. Vì vậy, đề nghị cho Cục được sử dụng số kinh phí trên để hoàn chỉnh Luật Thú y.

3. Văn phòng Bộ: 7.253.977.971 đồng

a. Số dự dự toán: 6.744.831.471 đồng

- Quyết định số 2991/QĐ-BNN-TC ngày 08/11/2011 về việc phê duyệt chủ chương mua sắm, cải tạo và sửa chữa của Văn phòng Bộ tổng số tiền là: 3.511.000.000 đồng (trong đó đã sử dụng hết là: 3.208.212.626 đồng còn lại xin chuyển sang năm 2011 để chi trả tiền lắp đặt Camera bảo vệ an ninh (đã đấu thầu) là: 302.787.374 đồng)

- Quyết định số 3385/QĐ-BNN-TC ngày 16/12/2010 về việc mua sắm sửa chữa, tổng số tiền xin chuyển để sử dụng tiếp: 2.295.358.000 đồng. Đến thời điểm này các công việc đang triển khai như: đăng báo mời thầu (đã thu hồ sơ của các nhà thầu và đang chấm thầu để chọn đơn vị cung cấp). Vì vậy xin được chuyển số kinh phí này để tiếp tục thực hiện

- Mua 2 xe ô tô Lãnh đạo Bộ theo Quyết định số 3479/QĐ-BNN-TC ngày 27/12/2010 số tiền là: 2.200.000.000 đồng

- Đoàn cán bộ cấp cao của Chính phủ và lãnh đạo Bộ đi thăm Đê biển tại Hàn Quốc là: 1.078.203.287 đồng, nội dung này dự kiến thực hiện trong quý 4/2010 nhưng vì lý do khách quan nên chưa thực hiện được, vì vậy xin chuyển sang năm 2011 để tiếp tục thực hiện. (Kho bạc TW)

- Kinh phí đóng niên liễm là: 868.482.810 đồng đây là khoản đóng góp cho quỹ dự trữ gạo ASEAN+3 nhưng do chưa đủ thủ tục vì vậy xin chuyển số kinh phí này sang năm 2011 để đóng tiếp (Kho bạc TW)

b. Số dự tạm ứng: 509.146.500 đồng

Đây là khoản kinh phí sửa chữa nâng cấp phòng họp số 2 A2 theo Quyết định chỉ định thầu số 831/QĐ-VP ngày 24/12/2010 và Hợp đồng số 38/2010 giữa Văn phòng Bộ NN và PTNT với Công ty Cổ phần Phát triển Thương mại và Xây dựng Thăng long (đã chuyển tạm ứng cho đơn vị), vì vậy xin chuyển số kinh phí này sang năm 2011 để thanh quyết toán.

4. Tổng cục Thủy lợi:

a. Số dự dự toán: 14.385.500 đồng

Nội dung: Kinh phí cải cách hành chính: 14.385.500 đồng

5. Cục CB, TM NLTS và Nghề muối

a. Số dự dự toán: 22.008.950 đồng

Thực hiện Nghị Quyết số 25/2006/NQ-CP của Chính phủ, Bộ Nông nghiệp và phát triển nông thôn được giao chủ trì xây dựng Dự thảo Nghị định về Quản lý sản xuất và kinh doanh muối. Theo phân công nhiệm vụ, Cục Chế biến, Thương mại nông lâm thủy sản và nghề muối đã khẩn trương triển khai thực hiện nhiệm vụ kế hoạch được giao, năm 2008 Cục đã xây dựng đề cương và soạn thảo dự thảo lần 1 và lần 2 và đi khảo sát một số tỉnh phía nam. Năm 2009 Cục đã xây dựng xong Dự thảo Nghị định, khảo sát đánh giá tình hình thực hiện các văn bản quy phạm pháp luật về muối tại Nam Định ..., Năm 2010 Cục đã trình Chính phủ dự thảo Nghị

Định. Tổng kinh phí được chuyển từ năm 2009 sang năm 2010 là: 49.695.950 đồng. Kinh phí thực hiện trong năm 2010 là 27.687.000đ. Kinh phí còn dự toán tại Kho bạc là **22.008.950 đồng** thực hiện nội dung hợp hoàn chỉnh Nghị Định và tổ chức Hợp công bố Nghị định sau khi Thủ tướng chính phủ ký ban hành.

6. Cục Kinh tế HT và PTNT:

a. Số dự toán: 493.000.000 đồng, gồm:

- Kinh phí cho 4 Ban chỉ đạo đi kiểm tra nhưng do thực hiện nhiệm vụ đột xuất nên không kịp triển khai.

+ Ban chỉ đạo Tây nguyên: 60.000.000 đồng:

+ Ban chỉ đạo các xã biên giới Việt - Lào - Campuchia: 25.000.000 đồng

+ Ban chỉ đạo biên giới Việt - Trung: 14.000.000 đồng

+ Ban chỉ đạo Chương trình 06: 52.000.000 đồng

- Đoàn ra theo nhiệm vụ Bộ: 42.000.000 đồng

- Ban chỉ đạo Chương trình tam nông: 300.000.000 đồng

Cục đã hoàn thành các thủ tục chọn đơn vị cung cấp dịch vụ tuyên truyền Đề án, nhưng do đơn vị cung cấp dịch vụ chưa đáp ứng yêu cầu xây dựng phóng sự tuyên hình theo yêu cầu nên chưa hoàn thành thủ tục ký hợp đồng thực hiện.

X. KINH PHÍ SỰ NGHIỆP ĐÀO TẠO (Loại 490-497)

A. Số dự kinh phí đề nghị xét chuyển:

- Tổng số kinh phí đề nghị được chuyển là: **4.074.227.481 đồng**. Trong đó:

+ Tổng số dự toán đề nghị được chuyển là: **3.402.567.981 đồng**

+ Tổng số dự tạm ứng đề nghị được chuyển là: **671.659.500 đồng**

B. Thuyết minh chi tiết đối với từng đơn vị và nội dung đề nghị xét chuyển:

1. Dự án KHCVN Nông nghiệp (vay ADB)

a. Số dự toán: 3.402.567.981 đồng.

b. Số dự tạm ứng: 671.659.500 đồng

Kinh phí đối ứng của Dự án KHCVN Nông nghiệp (vay ADB) giao cho 10 trường thực hiện. Do thiết bị nhập khẩu về cuối năm nên chưa kịp thanh quyết toán, hơn nữa do giá đôla Mỹ tăng cao, các nhà thầu khó khăn trong quá trình thực hiện hợp đồng. Đề nghị cho phép chuyển sang năm 2011 tiếp tục sử dụng. Chi tiết các Trường:

- **Trường Cao đẳng công nghệ và kinh tế Bảo Lộc**

Kinh phí vốn đối ứng, số dự toán: 337.391.201 đồng

- **Trường Cao đẳng công nghệ và kinh tế Hà Nội**

Kinh phí vốn đối ứng, số dự toán: 33.314.898 đồng

- **Trường Cao đẳng Công nghệ kinh tế và Thủy lợi Miền trung**

Kinh phí vốn đối ứng, số dự toán: 1.051.548.346 đồng, số dư tạm ứng: 467.209.500 đồng

- **Trường Cao đẳng Cơ điện và NN Nam Bộ**

Kinh phí vốn đối ứng, số dự toán: 178.428.293 đồng, số dư tạm ứng: 204.450.000 đồng

- **Trường Trung học Công nghệ LTTP**

Kinh phí vốn đối ứng, số dự toán: 1.776.763.443 đồng

- **Trường Trung học NV Quản lý lương thực thực phẩm**

Kinh phí vốn đối ứng, số dự toán: 25.121.800 đồng

XI. KINH PHÍ SỰ NGHIỆP ĐÀO TẠO ĐẠI HỌC (Loại 490-501)

A. Số dư kinh phí đề nghị xét chuyển:

- Tổng số kinh phí đề nghị được chuyển là: **943.845.684 đồng**. Trong đó:
 - + Tổng số dự toán đề nghị được chuyển là: **916.310.144 đồng**
 - + Tổng số dư tạm ứng đề nghị được chuyển là: **27.535.540 đồng**

B. Thuyết minh chi tiết đối với từng đơn vị và nội dung đề nghị xét chuyển:

1. Trường Cao đẳng Nông nghiệp nam Bộ: 79.045.500 đồng. Trong đó:

a. Số dự toán: 79.045.500 đồng

Nội dung: Đào tạo lớp “Vi nhân giống hoa”

Trong năm 2010 nhà trường được giao kinh phí không thường xuyên đào tạo nghề ngắn hạn lớp “Vi nhân giống hoa” với tổng số kinh phí là: 500.000.000đ/2lớp, nhưng trong quá trình thực hiện thuê mướn một số nội dung thực hiện không hết và do học sinh nghỉ học giữa chừng nên chỉ sử dụng hết 420.954.500đ còn dư tại kho bạc là: **79.045.500đ** nhà trường xin Bộ Nông nghiệp cho phép chuyển sang năm 2011 để thực hiện chung với số dự toán giao đào tạo các lớp Vi nhân giống hoa của năm 2011.

2. Dự án KHCN Nông nghiệp

a. Số dự toán: 837.264.644 đồng.

b. Số dư tạm ứng: 27.535.540 đồng

Kinh phí đối ứng của Dự án KHCN Nông nghiệp (vay ADB) giao cho 10 trường thực hiện. Do thiết bị nhập khẩu về cuối năm nên chưa kịp thanh quyết toán, hơn nữa do giá đôla Mỹ tăng cao, các nhà thầu khó khăn trong quá trình thực hiện hợp đồng. Đề nghị Bộ Tài chính cho phép chuyển sang năm 2011 tiếp tục sử dụng.

Chi tiết các Trường chuyển số dư sang năm 2011 gồm:

* **Trường Cao Đẳng Nông nghiệp Nam Bộ**, kinh phí vốn đối ứng:

- **Số dự toán: 405.745.435 đồng**

* **Trường Cao đẳng LTTP**, kinh phí vốn đối ứng

- Số dự toán: 17.039.424 đồng
- Số dự tạm ứng: 27.535.540 đồng
- * Trường Cao đẳng NN&PTNT Bắc Bộ, kinh phí vốn đối ứng
- Số dự toán: 66.336.730 đồng
- * Trường Cao đẳng Thủy lợi Bắc Bộ, kinh phí vốn đối ứng
- Số dự toán: 348.143.055 đồng

XII. KINH PHÍ SỰ NGHIỆP ĐÀO TẠO SAU ĐẠI HỌC (Loại 490-503)

A. Số dự kinh phí đề nghị xét chuyển:

- Tổng số kinh phí đề nghị được chuyển là: **1.500.275.248 đồng**. Trong đó:
- + Tổng số dự toán đề nghị được chuyển là: **1.500.275.248 đồng**

B. Thuyết minh chi tiết đối với từng đơn vị và nội dung đề nghị xét chuyển:

1. Viện Khoa học Thủy lợi Việt Nam

a. Số dự toán: 13.187.632 đồng

Nội dung: Đào tạo sau đại học Viện Khoa học Thủy lợi Miền Nam: Kinh phí đề nghị chuyển sang năm 2011: 13.187.632 đồng

Lý do: Chưa tổ chức được hội đồng chấm luận án tiến sĩ cấp cơ sở 3 NCS và cấp Nhà nước 1 NCS.

2. Ban Quản lý Trung ương Dự án KHCN Nông nghiệp

a. Số dự toán: 1.487.087.616 đồng

Đây là số kinh phí đối ứng của Dự án KHCN Nông nghiệp (vay ADB) giao cho Ban Quản lý Trung ương Dự án KHCN Nông nghiệp thực hiện để thanh toán cho học viên đi học nước ngoài theo định kỳ, đầu năm 2011 sẽ thanh toán cho học viên. Vì vậy đề nghị cho chuyển số kinh phí này sang năm 2011 để thực hiện.

XIII. KINH PHÍ CHƯƠNG TRÌNH MỤC TIÊU QUỐC GIA (Loại 0170-0174)

A. Số dự kinh phí đề nghị xét chuyển:

- Tổng số kinh phí đề nghị được chuyển là: **540.630.100 đồng**. Trong đó:
- + Tổng số dự toán đề nghị được chuyển là: **278.558.100 đồng**
- + Tổng số dự tạm ứng đề nghị được chuyển là: **262.072.000 đồng**

B. Thuyết minh chi tiết đối với từng đơn vị và nội dung đề nghị xét chuyển:

1. Cục Quản lý chất lượng nông lâm sản và Thủy sản (Loại 010-013)

a. Số dự toán: 192.727.100 đồng

Nội dung:

Tổng kinh phí còn dư là: 192.727.100 đồng của hoạt động kiểm tra an toàn vệ sinh thực phẩm, khảo sát thực tế sản xuất kinh doanh nông sản thực phẩm. Lý do: Do kế hoạch thực hiện của một số địa phương có thay đổi nên một số hoạt động được triển khai trong tháng 01/2011; thời điểm triển khai có một số địa phương chưa kiện toàn cơ quan quản lý chất lượng nông lâm thủy sản nên chưa bố trí được nguồn lực để phối hợp tổ chức triển khai thực hiện hoạt động kiểm tra; hoạt động đi kiểm tra được thực hiện kết hợp với một số hoạt động chuyên môn khác nên tiết kiệm được chi phí đi lại

2. Cục Trồng trọt: 352.903.000 đồng (loại 010-013)**a. Số dự toán: 85.831.000 đồng**

- Nhiệm vụ hỗ trợ XD mô hình cam sành, xoài ở Tiền Giang (Viện CẢQ MN thực hiện): 40.311.000 đồng; Do việc chọn địa bàn triển khai chậm nên không kịp thời vụ.

- Nhiệm vụ hỗ trợ XD mô hình vải ở Bắc Giang (Viện Nghiên cứu Rau quả thực hiện): 45.520.000; Do việc chọn địa bàn triển khai chậm nên không kịp thời vụ.

Các nhiệm vụ trên Cục Quản lý chất lượng NLS và thủy sản đã có công văn số 2526/QLCL-CL2 ngày 31/12/2010 chấp nhận cho phép kéo dài 1 số nhiệm vụ của dự án sang thực hiện trong năm 2011.

b. Số dự tạm ứng: 262.072.000 đồng

- Nhiệm vụ hỗ trợ XD mô hình cam sành, xoài ở Tiền Giang (Viện CẢQ MN thực hiện): 94.059.000 đồng; Do việc chọn địa bàn triển khai chậm nên không kịp thời vụ.

- Nhiệm vụ hỗ trợ XD mô hình vải ở Bắc Giang (Viện Nghiên cứu Rau quả thực hiện): 24.625.000 đồng; Do việc chọn địa bàn triển khai chậm nên không kịp thời vụ.

- Nhiệm vụ Giám sát VSATTP trên rau: 108.388.000 đồng; Do việc kiểm tra giám sát thực hiện muộn nên đến hết 31/12 chưa thể tiến hành Hội thảo để thông qua các báo cáo giám sát rau an toàn tại các tỉnh.

- Nhiệm vụ đào tạo tập huấn VietGap phổ biến tuyên truyền giáo dục VBQPPL (tuyên truyền trên báo): 35.000.000 đồng; Do chưa thực hiện nghiệm thu để thông qua các nhiệm vụ năm 2010 nên chưa có căn cứ để thực hiện nội dung này.

Các nhiệm vụ trên Cục Quản lý chất lượng NLS và thủy sản đã có công văn số 2526/QLCL-CL2 ngày 31/12/2010 chấp nhận cho phép kéo dài 1 số nhiệm vụ của dự án sang thực hiện trong năm 2011.

XIV. KINH PHÍ CHƯƠNG TRÌNH MỤC TIÊU QUỐC GIA (Loại 0170-0175)

A. Số dư kinh phí đề nghị xét chuyển:

- Tổng số kinh phí đề nghị được chuyển là: **591.201.897 đồng**. Trong đó:
 - + Tổng số dư dự toán đề nghị được chuyển là: **42.265.007 đồng**
 - + Tổng số dư tạm ứng đề nghị được chuyển là: **548.936.890 đồng**

B. Thuyết minh chi tiết đối với từng đơn vị và nội dung đề nghị xét chuyển:

1. Cục Quản lý chất lượng nông lâm sản và Thủy sản: 591.201.897 đồng

a. Số dư dự toán: 42.265.007 đồng

b. Số dư tạm ứng: 548.936.890 đồng

Nội dung: đang triển khai dở dang và xin chuyển sang năm 2011 thực hiện do các nhiệm vụ:

- Nội dung “Đào tạo nghiệp vụ, tăng cường năng lực cho cơ quan quản lý chất lượng và thú y thủy sản của địa phương”, kinh phí đề nghị giữ lại là 8.000.000 đồng để hoàn thiện, trình Bộ ban hành bộ biểu mẫu đánh giá điều kiện đảm bảo an toàn thực phẩm đối với các cơ sở sản xuất, kinh doanh thủy sản để phục vụ hoạt động quản lý chất lượng VSATTP theo phân công, phân cấp của cơ quan địa phương.

- Nội dung truyền thông về vệ sinh an toàn thực phẩm thủy sản đến thời điểm 31/12/2010, một số nội dung đang thực hiện dở dang: In đĩa các Chương trình phóng sự Từ trang trại đến bàn ăn, giới thiệu các mô hình sản xuất tốt, phóng sự về kiểm soát VSATTP từ sản xuất đến xuất khẩu cá tra... đã được phát sóng trên Đài truyền hình Việt Nam để gửi đến các Sở NN&PTNT, các cơ quan trong và ngoài nước có liên quan; Thiết kế, in ấn tờ rơi giới thiệu về NAFIQAD. Tổng kinh phí của các hoạt động này là 185.000.000 đồng.

- Nội dung quản lý điều hành và kiểm tra việc thực hiện Dự án tại các cơ quan, đơn vị còn dư 110.673.858 đồng do việc kiểm tra việc thực hiện Dự án tại các đơn vị, họp Ban điều hành Dự án theo kế hoạch đã lập.

XV. KINH PHÍ CHƯƠNG TRÌNH MỤC TIÊU QUỐC GIA(Mã số 0110-0117)

A. Số dư kinh phí đề nghị xét chuyển:

- Tổng số kinh phí đề nghị được chuyển là: **12.719.679.500 đồng**. Trong đó:
 - + Tổng số dư dự toán đề nghị được chuyển là: **10.306.679.500 đồng**
 - + Tổng số dư tạm ứng đề nghị được chuyển là: **2.413.000.000 đồng**

B. Thuyết minh chi tiết đối với từng đơn vị và nội dung đề nghị xét chuyển:

1. CTMT loại 490-498 (Mã số 0110-0117)

- Đây là kinh phí giao cho các đơn vị thực hiện các nội dung thuộc Đề án Đào tạo nghề cho lao động nông thôn, được giao dự toán vào tháng 12/2010, hiện đang triển khai đề nghị được chuyển sang năm 2011 tiếp tục thực hiện. Bao gồm:

a. Số dư dự toán: 10.306.679.500 đồng

- Trung tâm Khuyến nông Quốc gia: 1.362.012.000 đồng,
- Văn phòng Bộ: 137.736.000 đồng:
- 17 Trường Cao đẳng và dạy nghề

b. Số dư tạm ứng: 2.413.000.000 đồng

- CDN Công nghệ và Nông Lâm Đông Bắc: 403.000.000 đồng
- Cao đẳng nghề Cơ điện Hà Nội: 240.000.000 đồng
- Trung tâm Khuyến nông Quốc gia: 1.770.000.000 đồng

XVI. KINH PHÍ CHƯƠNG TRÌNH MỤC TIÊU QUỐC GIA (Mã số 0110-0116)

A. Số dư kinh phí đề nghị xét chuyển:

- Tổng số kinh phí đề nghị được chuyển là: **575.118.211 đồng**. Trong đó:
- + Tổng số dư dự toán đề nghị được chuyển là: **575.118.211 đồng**

B. Thuyết minh chi tiết đối với từng đơn vị và nội dung đề nghị xét chuyển:

1. CTMT loại 490-501

*** Trường Cao đẳng Nông nghiệp nam Bộ**

- Số dư dự toán: **121.796.211 đồng**

- **Nội dung:** Kinh phí chương trình mục tiêu quốc gia “*Dự án tăng cường cơ sở vật chất trường học*”

Trong năm nhà trường được giao kinh phí không thường xuyên 1.000.000.000đ để tăng cường cơ sở vật chất trường học. Theo Quyết định số 2153/QĐ-BNN-XD của Bộ Nông nghiệp và phát triển nông thôn về việc *phê duyệt báo cáo kỹ thuật xây dựng công trình hạng mục sửa chữa 2 nhà ký túc xá B1 & B3*. Nhà trường đã sử dụng kinh phí trên để sửa chữa lớn 2 dãy Ký túc xá B1 và B3, nhưng trong quá trình thực hiện đấu thầu, chỉ định thầu các gói thầu, có một số gói thầu không thực hiện như: Chi phí tư vấn đầu tư XD, Bảo hiểm công trình, Thẩm tra phê duyệt quyết toán, chi phí dự phòng... nên chỉ thực hiện hết số tiền là 878.203.789đ số tiền còn dư tại kho bạc là: **121.796.211đ** nhà trường xin Bộ Nông nghiệp cho chuyển sang năm 2011 để thực hiện sửa chữa các hạng mục công trình khác của nhà trường vì hiện nay các công trình đã xuống cấp rất cần kinh phí để sửa chữa, nâng cấp.

2. CTMT loại 490-497

*** Trường Trung học Công nghệ Lương thực thực phẩm: 25.322.000 đồng.**

Trong đó:

- Số dư dự toán: **25.322.000 đồng**

Nội dung: Kinh phí chương trình mục tiêu quốc gia “*Dự án tăng cường cơ sở vật chất trường học*” số tiền: **25.322.000 đồng**

- Trong năm trường được giao kinh phí không thường xuyên 1.000.000.000đ để tăng cường cơ sở vật chất trường học. Trong đó chi sửa chữa giảng đường và ký túc xá C là 700.000.000 đ và chi mua sắm thiết bị giảng dạy ngành quản lý đất đai là 300.000.000 đồng.

Về sửa chữa lớn Theo Quyết định số 2940/QĐ-BNN-XD ngày 02/11/2010 của Bộ Nông nghiệp và phát triển nông thôn về việc *phê duyệt báo cáo kỹ thuật xây dựng công trình hạng mục sửa chữa giảng đường và ký túc xá C* và Quyết định số 3510/QĐ-BNN-XD ngày 29/12/2010 của Bộ Nông nghiệp và phát triển nông thôn về việc *phê duyệt điều chỉnh báo cáo kỹ thuật xây dựng công trình hạng mục sửa chữa giảng đường và ký túc xá C*. Nhà trường đã sử dụng kinh phí trên để sửa chữa lớn giảng đường và ký túc xá C, nhưng trong quá trình thực hiện chỉ định thầu các gói thầu, có một số gói thầu không thực hiện như: Chi phí quản lý dự án, chi phí lập báo cáo kinh tế kỹ thuật, chi phí dự phòng... nên chỉ thực hiện hết số tiền là 675.763.000 đ số còn lại chưa sử dụng là **24.237.000 đ**.

Theo Quyết định số 1318/QĐ-BNN-TCCB ngày 19/08/2010 của Bộ Nông nghiệp và phát triển nông thôn phê duyệt danh mục thiết bị đồ dùng dạy học mua bằng nguồn kinh phí chương trình mục tiêu giáo dục đào tạo năm 2010 Số tiền mua sắm thiết bị 300.000.000 đ đã mua là 298.915.000 đ số còn dư chưa sử dụng là **1.085.000 đ**.

Tổng số tiền còn dư tại kho bạc là: **25.322.000đ** nhà trường xin cho chuyển sang năm 2011 để thực hiện sửa chữa hoặc thực hiện các công việc khác.

*** Trường Cao đẳng Công nghệ và Kinh tế Bảo lộc:**

- Số dư dự toán: **428.000.000 đồng**

Kinh phí chương trình mục tiêu quốc gia “*Dự án tăng cường cơ sở vật chất trường học*”

*** Lý do xin chuyển:**

- Gói thầu số 1- Thiết bị thực hành ngành cơ khí (máy tiện CNC) thuộc kinh phí CTMT năm 2010 nhà Trường đã ký hợp đồng số 59-10/HĐKT-HCM ngày 20/10/2010 với Công ty TNHH Việt Thăng với thời gian thực hiện Hợp đồng là 50 ngày (theo Hợp đồng ngày 10/12/2010 là thời hạn cuối phải giao sản phẩm). Ngày 07/12/2010 Nhà trường nhận được công văn số 02-1210/CV-VT về việc thông báo thời gian giao máy tiện CNC của Công ty TNHH Việt Thăng trong đó nêu rõ thời gian giao máy tiện CNC xin được phép giao trễ thời gian 75 đến 80 ngày, với lý do đối tác sản xuất thiết bị từ Trung Quốc không thể có sản phẩm cung cấp đúng thời hạn cho Công ty Việt Thăng. Qua xem xét công văn của Công ty TNHH Việt Thăng nhà Trường nhận thấy đây là một lý do bất khả kháng vì thời điểm này đã cuối năm tài chính nên không thể xét đến yếu tố gọi nhà thầu thứ 2,3 thực hiện cũng như tổ chức đấu thầu lại. Thiết bị thực hành ngành cơ khí (máy tiện CNC) là loại thiết bị nhà Trường đang rất cần để phục vụ công tác giảng dạy, học tập trong năm học 2010-2011, do vậy Trường đã chấp thuận cho Công ty TNHH Việt Thăng gia hạn thời gian thực hiện Hợp đồng sang năm 2011 thông qua Phụ lục Hợp đồng số :

60/10/PLHĐKT-HCM ngày 20/12/2010, với điều kiện Công ty TNHH Việt Thăng gia hạn bảo lãnh thực hiện Hợp đồng đến khi có sản phẩm bàn giao cho Trường.

XVII. KINH PHÍ CHƯƠNG TRÌNH MỤC TIÊU QUỐC GIA (Mã số 0276)

A. Số dư kinh phí đề nghị xét chuyển:

- Tổng số kinh phí đề nghị được chuyển là: **77.000.000 đồng**. Trong đó:
 - + Tổng số dự toán đề nghị được chuyển là: **77.000.000 đồng**

B. Thuyết minh chi tiết đối với từng đơn vị và nội dung đề nghị xét chuyển:

1. CTMT loại 010-013 (Mã 0276): 77.000.000 đồng

*** Cục Chế biến, Thương mại NLTS và Nghề muối: 77.000.000 đồng**

Đây là Chương trình Quốc gia về bảo hộ lao động, an toàn lao động, vệ sinh lao động giai đoạn từ 2006-2010, thực hiện nhằm kiểm soát được tình hình tai nạn lao động, bệnh nghề nghiệp, góp phần tích cực bảo đảm người lao động trong sản xuất Nông nghiệp và ngành nghề nông thôn được làm việc trong môi trường an toàn và vệ sinh được hưởng đầy đủ chế độ chăm sóc sức khoẻ và phục hồi chức năng.

Thực hiện Quyết định số 1804/QĐ-BNN-CB ngày 25/6/2010 của Bộ trưởng Bộ nông nghiệp và Phát triển nông thôn về việc phê duyệt đề cương - Dự toán chi tiết các nhiệm vụ thuộc chương trình quốc gia về Bảo hộ lao động. Trong đó, nội dung xây dựng thông tin "*cập nhật, đưa thông tin, phổ biến chủ chương, chính sách, công nghệ mới tạo diễn đàn trao đổi, thảo luận các vấn đề liên quan đến công tác Bảo hộ, an toàn, vệ sinh lao động trong sản xuất Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Việt Nam*", kinh phí được cấp năm 2010 là 200.000.000 đồng. Đến ngày 31/12/2010 số dư dự toán tại Kho bạc là 77.000.000 đồng, để Cục phối hợp với các đơn vị trong và ngoài Bộ duy trì nội dung thông tin các vấn đề liên quan đến công tác Bảo hộ, vệ sinh lao động trong sản xuất Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Việt Nam.

XVIII. KINH PHÍ CHƯƠNG TRÌNH MỤC TIÊU QUỐC GIA (Mã số 0150-0157)

A. Số dư kinh phí đề nghị xét chuyển:

- Tổng số kinh phí đề nghị được chuyển là: **150.000.000 đồng**. Trong đó:
 - + Tổng số dự toán đề nghị được chuyển là: **150.000.000 đồng**

B. Thuyết minh chi tiết đối với từng đơn vị và nội dung đề nghị xét chuyển:

1. Cục Kinh tế hợp tác và PTNT

a. Số dư dự toán: 150.000.000 đồng

Nội dung: Kinh phí tập huấn nghiệp vụ cho các cán bộ làm công tác xoá bỏ cây có chứa chất ma tuý: 71 triệu đồng; Hội nghị sơ, tổng kết chương trình xoá bỏ cây có chứa chất ma tuý: do thực hiện nhiệm vụ đột xuất nên không kịp triển khai.

XIX. KINH PHÍ CHƯƠNG TRÌNH MỤC TIÊU QUỐC GIA (Mã số 0170-0351)

A. Số dư kinh phí đề nghị xét chuyển:

- Tổng số kinh phí đề nghị được chuyển là: **267.750.000 đồng**. Trong đó:
 - + Tổng số dư dự toán đề nghị được chuyển là: **55.550.000 đồng**
 - + Tổng số dư tạm ứng đề nghị được chuyển là: **212.200.000 đồng**

B. Thuyết minh chi tiết đối với từng đơn vị và nội dung đề nghị xét chuyển:

1. Cục Trồng trọt: 267.750.000 đồng, loại 010-013

a. Số dư dự toán: 55.550.000 đồng

- Xây dựng chính sách hỗ trợ việc chuyển dịch cơ cấu cây trồng trong điều kiện BĐKH ở một số vùng sinh thái nông nghiệp: 55.550.000 đồng; Nhiệm vụ này Bộ Nông nghiệp và PTNT phê duyệt thực hiện trong 2 năm 2010-2011 tại Quyết định số 809/QĐ-BNN-KHCN ngày 01/4/2010 phê duyệt danh mục nhiệm vụ thực hiện Chương trình MTQG ứng phó với BĐKH của Bộ.

b. Số dư tạm ứng: 212.200.000 đồng.

- Xây dựng chính sách hỗ trợ việc chuyển dịch cơ cấu cây trồng trong điều kiện BĐKH ở một số vùng sinh thái nông nghiệp: 212.200.000 đồng; Nhiệm vụ này Bộ Nông nghiệp và PTNT phê duyệt thực hiện trong 2 năm 2010-2011 tại Quyết định số 809/QĐ-BNN-KHCN ngày 01/4/2010 phê duyệt danh mục nhiệm vụ thực hiện Chương trình MTQG ứng phó với BĐKH của Bộ.

Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn đề nghị Bộ Tài chính xem xét, thẩm định và cho phép chuyển số dư sang năm 2011 cho các đơn vị tiếp tục thực hiện nhiệm vụ đã được Bộ giao./.

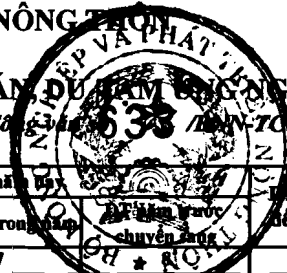
Nơi nhận:

- Như trên;
- Vụ NS, HCSN (Bộ Tài chính);
- Lưu VT, TC.



BÁO CÁO SƠ DƯ DỰ TOÁN DỰ TÍNH CHI NHẢY NGÂN SÁCH NĂM 2010 ĐỀ NGHỊ XÉT CHUYỂN SANG NĂM 2011

(Kèm theo Công văn số 633/NN-TC ngày 10/3/2011 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và PTNT)



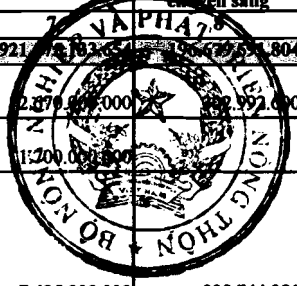
Đơn vị tính: đồng

STT	Đơn vị dự toán	Loại-khoản	Dự toán năm 2010		Dự đã sử dụng đến 31/01/2011	Số dư tại 31/01/2011		Đề nghị chuyển 2011		Đề nghị huỷ	
			Tổng số	ĐT giao trong năm		Dự toán	Tạm ứng	Dự toán	Tạm ứng	Dự toán	Tạm ứng
1	2	5	6=7+8	7	9	10=6-9	11	12	13	14=10-12	15=11-13
	TỔNG CỘNG		1.017.764.225.458	921.075.133.654	91.804.923.329.803.864	205.395.540.799	53.420.905.304	175.913.492.126	51.608.859.329	23.880.306.150	1.812.045.975
1	Trung tâm KNQG	010-013			4.749.342.836	979.999.000	3.769.343.836		3.769.343.836		
2	Trung tâm QGNS&VSMNT	010-013		980.000.000	0	856.230.970	123.769.030	0	121.604.200	0	2.164.030
3	BQL các dự án Nông nghiệp	010-013		1.466.000.000	366.391.391	1.494.031.890	338.359.501		338.359.501		
4	BQL các dự án Nông nghiệp (BQL Trung ương Dự án Khoa học Công nghệ NN)	010-013		4.362.406.000	1.485.756.179	4.564.314.874	1.283.847.305		1.283.847.305		
5	BQL Dự án Cạnh tranh ngành chăn nuôi và an toàn thực phẩm	010-013		100.000.000		41.185.500	58.814.500		58.814.500	0	0
6	BQL Dự án TA 7251-VIE	010-013		800.000.000		353.894.815	446.105.185		446.105.185		
7	BQL Dự án VAHIP	010-013		3.266.195.296		2.590.309.660	675.885.636		675.885.636		
8	Cục Chế biến, TM NLTS và Nghề muối	010-013		28.385.000.000	558.064.000	21.905.377.610	4.890.377.610	2.146.962.000	3.867.246.000	2.146.962.000	1.023.131.610
9	Cục Kinh tế hợp tác và PTNT	010-013		12.400.000.000	1.440.510.000	12.764.192.760	1.076.317.240		440.000.000		636.317.240
10	Viện Thú y	010-013		300.000.000		4.088.000	295.912.000		295.912.000		
11	Văn phòng Bộ	010-013		21.329.502.152	3.590.655.848	15.629.488.926	9.290.669.074		7.453.760.082		1.836.908.992
12	Cục trồng trọt	010-013		33.774.000.000	5.864.626.141	38.496.516.457	1.142.109.684	1.688.990.712	678.997.683		1.142.109.684
13	Cục Chăn nuôi	010-013		5.955.000.000	42.350.866.370	34.263.586.931	14.042.279.439	19.882.798.557	12.550.000.000	19.882.798.557	1.492.279.439
14	Cục Thú y	010-013		15.750.000.000	4.402.000.000	14.175.851.000	5.976.149.000		2.700.000.000		3.276.149.000
1	Trung tâm KNQG	010-014		198.000.000.000	4.147.714.306	193.923.202.018	8.224.512.288	13.465.145.542		13.465.145.542	8.224.512.288

Handwritten signature or mark.

STT	Đơn vị dự toán	Loại-khoản	Dự toán năm nay			DT đã sử dụng đến 31/01/2011	Số dư tại 31/01/2011		Đề nghị chuyển 2011		Đề nghị huỷ	
			Tổng số	DT giao trong năm	DT năm trước chuyển sang		Dự toán	Tạm ứng	Dự toán	Tạm ứng	Dự toán	Tạm ứng
1	2	5	6=7+8	7	8	9	10=9	11	12	13	14=10-12	15=11-13
	TỔNG CỘNG		1.117.754.725.458	921.075.133.654	196.679.591.804	923.329.803.864	205.395.340.999	153.420.005.304	175.913.492.126	51.608.859.329	23.880.306.150	1.812.000.000
1	Cục Thú y	010-015		142.109.337.346	57.752.011.500	149.130.579.372	50.730.769.474	216.130.500	50.475.729.550	216.130.500	255.039.924	
							0					
			35.072.392.018	11.741.119.210	19.659.719.868	10.991.151.215	2.600.000.000	0	25.017.968.919	168.000.000	104.237.865	10.000.000
1	Ban quản lý TW các dự án thủy lợi	010-016		2.099.946.000	401.077.868	1.765.845.034	735.178.834	168.000.000	647.450.178	168.000.000	87.728.656	
2	Tổng cục Thủy lợi	010-016		115.315.033.150	17.258.642.000	107.228.509.211	25.325.665.939	19.500.000	24.370.518.741		793.604.220	19.500.000
1	Tổng cục Lâm nghiệp	010-017		29.625.262.507	634.594.500	20.555.239.868	9.704.617.139	3.313.000.000	9.704.617.139	3.313.000.000	0	
1	Viện Nghiên cứu Hải sản	010-023		3.840.000.000	706.192.849	3.953.593.282	592.599.567		592.599.567			
2	Viện NCNT TS III	010-023		855.000.000	46.505.000	901.505.000		77.798.000		77.798.000		
3	Trung tâm KNQG	010-023		1.196.000.000	1.883.047.955	2.264.448.100	814.599.855	490.768.476	814.299.855	490.768.476	300.000	
4	Tổng cục Thủy sản	010-023		25.322.462.000	6.304.649.196	23.188.442.148	8.438.669.048	1.881.600.041	8.438.669.048	1.881.600.041	0	
5	Cục QLCL NLS và TS	010-023		500.000.000		391.904.000	108.096.000		108.096.000			
6	BQL Dự án Luật Thủy sản	010-023		1.000.000.000		959.539.909	40.460.091		40.460.091			
7	Cục Thú y	010-023		2.950.000.000		2.647.317.055	302.682.945				302.682.945	
1	Tổng cục Lâm nghiệp	280-281		750.000.000	18.000.000	729.979.000	38.021.000	0	38.021.000	0	0	
2	Viện NCNT TS II	280-281		2.100.000.000		2.055.025.257	44.974.743		44.974.743			
3	Tổng cục Thủy sản	280-281		3.165.000.000	4.501.606.654	6.142.312.206	1.524.294.448	1.178.621.000	1.124.294.448	1.178.621.000	400.000.000	
4	Cục Chăn nuôi	280-281		350.000.000	122.441.000	472.441.000	0	100.837.000		0	0	100.837.000
5	Văn phòng Bộ	280-281		300.000.000		230.544.000	69.456.000		69.456.000	0	0	
6	Cục Thú y	280-281		400.000.000		381.566.400	18.433.600				18.433.600	
1	Viện NCNT TS III	370-371		3.950.000.000		3.950.000.000		40.000.000		40.000.000		

STT	Đơn vị dự toán	Loại-khoản	Dự toán năm nay			DT đã sử dụng đến 31/01/2011	Số dư tại 31/01/2011		Đề nghị chuyển 2011		Đề nghị huỷ	
			Tổng số	DT giao trong năm	DT năm trước chuyển sang		Dự toán	Tạm ứng	Dự toán	Tạm ứng	Dự toán	Tạm ứng
1	2	5	6=7+8	7	8	9	10=6-9	11	12	13	14=10-12	15=11-13
	TỔNG CỘNG		1.117.754.725.458	921.727.822.000	196.026.903.458	923.329.803.264	205.995.340.799	53.420.905.304	175.913.492.126	51.608.859.329	23.880.306.150	1.812.045.975
2	Tổng cục Lâm nghiệp			2.370.000.000	2.370.000.000	2.489.217.000	483.775.600	53.806.000	183.954.000	53.806.000	299.821.600	0
3	Viện NCNT TS II	280-281		1.200.000.000	1.200.000.000	1.690.384.000	9.616.000		8.000.000		1.616.000	
4	BQL các dự án Nông nghiệp (BQL Trung ương Dự án Khoa học Công nghệ NN)	370-371		7.425.000.000	908.744.081	8.328.197.264	5.546.817	34.837.000	5.546.817	34.837.000		
5	Viện KH Nông Lâm Nghiệp Tây Nguyên	370-371		625.000.000	406.112.648	1.018.093.750	13.018.898	250.448.900	13.018.898	250.448.900		
6	Viện Cây lương thực, thực phẩm	370-371		575.000.000	1.327.602.160	1.739.120.822	163.481.338	280.250.000	163.481.338	280.250.000		
7	Viện KHKT Nông lâm nghiệp miền núi phía Bắc	370-371		1.425.000.000	2.104.667.590	3.526.788.300	2.879.290	336.000.000	2.879.290	336.000.000		
8	Viện Lúa đồng bằng sông Cửu Long	370-371		1.625.000.000	881.670.000	2.122.683.078	383.986.922		383.986.922			
9	Viện Chính sách và chiến lược phát triển nông thôn	370-371		2.000.000.000	383.606.400	1.547.895.093	835.711.307	472.285.200	835.711.307	472.285.200		
10	Viện Khoa học kỹ thuật nông nghiệp miền Nam	370-371		1.125.000.000	406.808.143	609.248.600	922.559.543		922.559.543			
11	Cục Chế biến, TM NLTS và Nghề muối	370-371		835.000.000	23.998.000	478.422.000	212.576.000	168.000.000	212.000.000	168.000.000	576.000	
12	Viện QH-TKNN	370-371		11.000.000.000		10.687.000.000	313.000.000		313.000.000			
13	Viện Thú y	370-371		1.800.000.000	93.909.940	1.680.794.255	213.115.685		213.115.685			
14	Văn phòng Bộ	370-371		36.746.000.000	9.589.976.436	37.133.880.521	8.548.095.915		8.445.000.000		103.095.915	
15	Viện Khoa học nông nghiệp Việt Nam (VAAS)	370-371				11.837.927.123	2.764.300.862	305.840.000	2.742.917.377	305.840.000	21.383.485	
16	Cục Chăn nuôi	370-371		1.720.000.000	780.016.504	2.153.283.395	346.733.109		291.628.000		55.105.109	0
17	Cục Trồng trọt	370-371		1.460.000.000	240.000.000	1.161.594.400	538.405.600	255.324.000	156.560.000	203.440.000	381.845.600	51.884.000
18	cục Thú y	370-371		5.259.000.000	1.951.913.441	4.426.949.375	2.783.964.066	571.000.000	2.549.222.166	571.000.000	234.741.900	
19	Tổng cục Thủy lợi	370-371		3.100.000.000	507.100.000	3.570.174.272	36.925.728				36.925.728	
20	Viện Khoa học TL VN	370-371		30.969.620.361	4.587.818.000	27.477.342.722	8.080.095.639	83.336.000	206.007.674	83.336.000	2.272.546.242	



Handwritten signature or initials.

STT	Đơn vị dự toán	Loại-khoản	Dự toán năm nay			DT đã sử dụng đến 31/01/2011	Số dư tại 31/01/2011		Đề nghị chuyển 2011		Đề nghị huỷ	
			Tổng số	DT giao trong năm	DT năm trước chuyển sang		Dự toán	Tạm ứng	Dự toán	Tạm ứng	Dự toán	Tạm ứng
1	2	5	6=7+8	7	8	9	10=6-9	11	12	13	14=10-12	15=1
	TỔNG CỘNG		1.117.754.725.458	921.075.133.654	196.679.591.804	923.329.803.864	205.394.340.799	153.420.905.304	175.913.492.126	51.608.859.329	23.890.306.150	1.812
1	Cục Chế biến, TM NLT&S và Nghề muối	460-463		545.547.000	49.695.950	561.929.313	33.313.637		22.008.950		11.304.687	
2	Cục Kinh tế hợp tác và PTNT	460-463		3.407.400.701	58146000	2.951.546.093	514.000.608		493.000.000		21.000.608	
3	Cục Chăn nuôi	460-463		300.000.000	918144000	1.112.187.040	105.956.960	665.244.000	42.113.160	665.244.000	63.843.800	
4	Văn phòng Bộ	460-463		29.558.101.460	38870874	24.798.826.960	4.798.145.374	509.146.500	4.798.145.374	509.146.500	0	
5	Cục Thú y	460-463		550.000.000	150556650	381.864.243	318.692.407		200.000.000		118.692.407	
6	Văn phòng Bộ ((SGD KNNN TW)	460-463		11.940.214.534		9.993.528.437	1.946.686.097		1.946.686.097			
7	Tổng cục Thủy lợi	460-463		1.202.553.000		1.173.646.369	28.906.631		14.385.500		14.521.131	
							0					
1	Trường CĐ công nghệ và KT Bảo Lộc	490-497		9.072.884.875		8.722.884.875	350.000.000				350.000.000	
3	Trường CĐ Công nghệ kinh tế và Thủy lợi Miền trung	490-497		1.000.000.000	1.147.814.881	1.096.266.535	1.051.548.346	467.209.500	1.051.548.346	467.209.500	0	
4	Trường Cao đẳng Cơ điện và NN Nam Bộ	490-497		1.125.000.000	1.310.357.904	2.256.929.611	178.428.293	204.450.000	178.428.293	204.450.000	0	
5	Trường Trung học Công nghệ LTTP	490-497		1.250.000.000	1.311.806.000	785.042.557	1.776.763.443		1.776.763.443		0	
6	Trường Trung học NV Quản lý lương thực thực phẩm	490-497		1.000.000.000	899.879.395	1.874.757.595	25.121.800		25.121.800		0	
7	Trường cao đẳng công nghệ và kinh tế Hà Nội	490-497		1.125.000.000	934.374.000	2.026.059.102	33.314.898		33.314.898		0	
8	Trường CĐ công nghệ và KT Bảo Lộc	490-497		1.125.000.000	1.121.870.000	1.909.478.799	337.391.201		337.391.201		0	
											0	
1	Trường Cao Đẳng Nông nghiệp Nam Bộ	490-501		1.125.000.000	1.336.223.795	2.055.478.360	405.745.435		405.745.435		0	

STT	Đơn vị dự toán	Loại-khoản	Dự toán năm nay			DT đã sử dụng đến 31/01/2011	Số dư tại 31/01/2011		Đề nghị chuyển 2011		Đề nghị huỷ			
			Tổng số	DT giao trong năm	DT năm trước chuyển sang		Dự toán	Tạm ứng	Dự toán	Tạm ứng	Dự toán	Tạm ứng		
1	2	5	6=7+8	7	8	9	10=6-9	11	12	13	14=10-12	15=11-13		
	TỔNG CỘNG		1.117.754.725.458	921.075.133.654	196.679.591.804	923.329.803.864	205.395.340.799	53.420.905.304	175.913.492.126	51.606.859.329	23.880.306.150	1.812.045.975		
2	Trường Cao đẳng LTTP	490-501			1.200.000.000	1.200.000.000			17.039.424	27.535.540	17.039.424	27.535.540	0	0
3	Trường Cao đẳng NN&PTNT Bắc Bộ	490-501			2.000.000.000	2.000.000.000	2.030.593.170	66.336.730		66.336.730			0	0
4	Trường Cao đẳng Thủy lợi Bắc Bộ	490-501			2.000.000.000	2.000.000.000	1.575.910.070	348.143.055		348.143.055			0	0
5	Trường Cao đẳng Nông nghiệp Nam Bộ	490-501			500.000.000	500.000.000	420.954.500	79.045.500		79.045.500			0	0
1	BQL các dự án Nông nghiệp (BQL Trung ương Dự án Khoa học Công nghệ NN)	490-503			6.000.000.000	207.829.899	4.720.742.283	1.487.087.616		1.487.087.616			0	0
2	Viện Khoa học TL Việt Nam	490-503			74.304.000	2.000.000	63.116.368	13.187.632		13.187.632			0	0
1	Cục QLCL NLS và TS	010-013			1.688.510.000		1.495.782.900	192.727.100		192.727.100				
2	Cục Chăn nuôi	010-013			2.150.000.000	145.596.000	2.295.596.000	0	82.706.000	0	0	0	82.706.000	
3	Cục Trồng trọt	010-013			2.850.000.000	70.000.000	2.825.140.171	94.859.829	809.197.946	85.831.000	262.072.000	9.028.829	547.125.946	
								0						
1	Cục QLCL NLS và TS	010-023			17.420.317.890		17.378.052.883	42.265.007	548.936.890	42.265.007	548.936.890			
								0						
1	Trường Cao đẳng Nông lâm	490-498			926.000.000			926.000.000		926.000.000				
2	Trường Cao đẳng LTTP	490-498			120.000.000			120.000.000		120.000.000				
3	Trường Cao đẳng Thủy sản	490-498			969.000.000		0	969.000.000		969.000.000				
4	Trường Cao đẳng công nghệ và kinh tế Bảo Lộc	490-498			686.000.000			686.000.000		686.000.000				



5/8

STT	Đơn vị dự toán	Loại-khoản	Dự toán năm nay			DT đã sử dụng đến 31/01/2011	Số dư tại 31/01/2011		Đề nghị chuyển 2011		Đề nghị huỷ	
			Tổng số	DT giao trong năm	DT năm trước chuyển sang		Dự toán	Tạm ứng	Dự toán	Tạm ứng	Dự toán	Tạm ứng
1	2	5	6=7+8	7	8	9	10=6-9	11	12	13	14=10-12	15=11-13
	TỔNG CỘNG		1.117.754.775.458	921.075.133.654	196.679.591.804	923.329.803.864	205.395.340.792	53.420.905.304	175.913.492.126	51.608.859.329	23.880.306.150	1.812.000.000
5	Trường Cao đẳng NN&PTNT Bắc Bộ	490-498		1.089.000.000			1.089.000.000		1.089.000.000			
6	Trường Cao đẳng Nông nghiệp Nam bộ	490-498		686.000.000			686.000.000		686.000.000			
7	Trường Cao đẳng Cơ điện và NN Nam Bộ	490-498		566.000.000			566.000.000		566.000.000			
8	Trường Trung học nghiệp vụ quản lý LTTP	490-498		1.288.000.000		506.657.500	781.342.500		781.342.500			
9	Trường Trung học Lâm nghiệp Tây nguyên	490-498		283.000.000			283.000.000		283.000.000			
10	Trường Trung học Thủy sản	490-498		566.000.000			566.000.000		566.000.000			0
11	CĐN Công nghệ và Nông Lâm Nam Bộ	490-498		806.000.000			806.000.000		806.000.000			
12	CĐN Công nghệ và Nông Lâm Đông Bắc	490-498		403.000.000				403.000.000		403.000.000		
13	CĐN Công nghệ và Nông Lâm Phú Thọ	490-498		403.000.000			403.000.000		403.000.000			
14	CĐN Cơ điện Phú Thọ	490-498		283.000.000		35.046.000	247.954.000		247.954.000			
15	Cao đẳng nghề Thủy sản Miền Bắc	490-498		566.000.000		8.365.000	557.635.000		557.635.000			
16	Cao đẳng Cơ điện - Xây dựng và Nông Lâm Trung Bộ	490-498		120.000.000			120.000.000		120.000.000			
17	Cao đẳng nghề Cơ điện Hà Nội	490-498		240.000.000				240.000.000		240.000.000		
18	Trung tâm KNOG	490-498		3.350.000.000		1.987.988.000	1.362.012.000	1.770.000.000	1.362.012.000	1.770.000.000		
19	Văn phòng Bộ	490-498		1.150.000.000		1.012.264.000	137.736.000		137.736.000		0	0
							0					
1	Trường Cao đẳng Nông nghiệp và PTNT Bắc Bộ	490-501		1.000.000.000		997.000.000	3.000.000				3.000.000	
2	Trường Cao Đẳng Nông nghiệp Nam Bộ	490-501		1.000.000.000		878.203.789	121.796.211		121.796.211			0

W

STT	Đơn vị dự toán	Loại-khoản	Dự toán năm nay			DT đã sử dụng đến 31/01/2011	Số dư tại 31/01/2011		Đề nghị chuyển 2011		Đề nghị huỷ	
			Tổng số	DT giao trong năm	DT năm trước chuyển sang		Dự toán	Tạm ứng	Dự toán	Tạm ứng	Dự toán	Tạm ứng
1	2	5	6=7+8	7	8	9	10=6-9	11	12	13	14=10-12	15=11-13
	TỔNG CỘNG		1.117.754.725.458	921.075.133.654	196.679.591.804	923.329.803.864	205.395.340.799	53.420.905.304	175.913.492.126	51.608.859.329	23.880.306.150	1.812.045.975
1	Trường Cao đẳng Công nghệ và Kinh tế Bảo lộc	490-497		724.835.360		796.535.382	428.000.000		428.000.000		0	
2	Trung học Lâm nghiệp tây nguyên	490-497		2.900.000.000		1.996.916.587	3.083.413				3.083.413	
3	Trường Trung học Công nghệ Lương thực phẩm	490-497		1.000.000.000		974.678.000	25.322.000		25.322.000			
1	Cục Chế biến, TM NLTS và Nghề muối			3.550.000.000	604.442.900	4.000.617.458	153.825.442		77.000.000		76.825.442	
1	Cục Kinh tế hợp tác và PTNT			11.100.000.000		10.817.492.352	282.507.648		150.000.000		132.507.648	
1	Cục Trồng trọt	010 - 013		400.000.000		344.450.000	55.550.000	212.200.000	55.550.000	212.200.000		



Handwritten signature or mark.